

VIEN-AM NGUYET-SAN

音 圓



**Résidence Supérieure
en Annam**

SERVICE LOCAL DE L'I. P. P.
N° 956-N

COPIE

LE GOUVERNEUR GÉNÉRAL DE L'INDOCHINE
Grand officier de la Légion d'Honneur

Vu

A R R Ê T E

Article premier. - Le gérant de toute publication périodique non pourvue actuellement de la licence d'achat de papier journal prévue par l'arrêté du 19 février 1942 du Gouverneur Général, devra adresser, avant le 25 Janvier 1943 au Service Local IPP du pays où la publication est imprimée une déclaration certifiée donnant les renseignements suivants :

- a. Nom de la publication,
- b. Nom du propriétaire.
- c. Nom du gérant et adresse de la rédaction,
- d. Périodicité (nombre de numéros par an),
- e. Date du dernier numéro paru.
- f. Quantité de papier normalement utilisée par année.

Cette quantité sera calculée, à la convenance de l'intéressé, en se basant soit sur le numéro publié à la date la plus rapprochée du 1er Juillet 1942, soit sur la moyenne de douze mois. Elle sera évaluée en surface de feuille avec indication du nombre de pages par numéro correspondant à chaque qualité de papier normalement utilisée.

Ex : Une publication trimestrielle de 50 pages (couverture comprise) de 20cmx15cm sous couverture forte déclarera : 4 numéros par an de 50 pages de 20cmx15cm dont couverture sur papier fort, soit :

4x23x15 = 27 600 cm² de papier force 70 gr au m².

4x 2x20 = 2.400 cm² de papier artisanal fort.

Une publication hebdomadaire de 4 pages sur papier journal déclarera : 52 numéros par an de 4 pages de 40 cm x 60 cm sur papier journal soit :

52x2x40x60 = 24 960 cm² de papier journal.

Objet de la publication.

Par ex : Littéraire, technique, professionnel, information économique, humoristique, scientifique, religieux etc...

Article 2. - Deux exemplaires de la publication seront joints à la déclaration prévue à l'Art. 1er.

Article 3. - L'obligation des formalités ci-dessus s'imposera à tous les périodiques, qu'ils soient officiels ou privés à moins qu'ils ne soient actuellement possesseurs d'une licence de papier journal.

Article 4. - Tout périodique n'avant pas satisfait, le 25 Janvier 1943 aux obligations des Art. 1 et 2 pourra être l'objet des sanctions prévues à l'Art. 6. En tout état de cause, il ne sera plus considéré comme un périodique. Chacun de ses numéros sera traité comme une publication non périodique et soumis au permis d'imprimer à la diligence des Services locaux IPP, dans les conditions de l'Arrêté du 2 Octobre 1942.

Article 5. - Les périodiques retenus comme tels feront l'objet d'une liste qui sera publiée ultérieurement au Journal Officiel de l'Indochine et hors de laquelle aucune publication ne devra être traitée en publication périodique, au point de vue de la censure et du permis d'impression.

Article 6. - Toute infraction aux dispositions du présent Arrêté sera punie des peines prévues aux alinéas 4.5 et 6 de l'article 46 de la loi du 11 juillet 1938, sans préjudice du retrait d'autorisation prévu par l'article 1 de la loi du 12 Décembre 1941.

Article 7. - Le Secrétaire Général, les Chefs d'Administration locale et le Chef du Service de l'information, de la Propagande et de la Presse sont chargés, chacun en ce qui le concerne, de l'exécution du présent arrêté.

Saigon, le 16 Décembre 1942

Signé : DECOUX

Thông - Chê **VIETAIN**

Nhà văn hào nước Anh Rudyard KIPLING đã nói câu « Đông và Tây chẳng bao giờ gặp nhau ». Hơn 70 năm nay, người Pháp và người Nam đã chứng thực rằng câu đó sai lầm.

Không ngày nào không thấy một nước tỏ lòng thân thiện với Đại - Pháp, vì Đại-Pháp có cái vinh quang rực-rỡ nhất là « Kinh-Đô của tinh-thần ».

Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại thành hòn núi cao. Hòn núi cao ấy là sự đồ g tâm chặt chẽ của Đại-Pháp và Đế-quốc trong công cuộc phục hưng của Thông-Chê.

NGÀY MỒNG MỘT THÁNG GIÊNG LÊ ĐẢN-SANH

ĐỨC DI-LẶC BỒ-TÁT (Maîtreya)

Đức Di-lặc bồ-tát là đức Phật Bồ-xử, sẽ thành Phật trong thế-giới chúng ta liền sau đức Phật Thích-ca. Ngài đã cùng đức Thích-ca phat-tam tu-hành vô-lượng vô số kiếp về trước, khi đức Phật Đại Thông-Trí-Thắng Như-lai ra đời.

Vì lòng chuộng hư-danh chưa sạch, đức Di-lặc thường ra qua lại với các nhà quý - phái, nên đường tu-hành có phần giải-đãi. Về sau ngài nhờ đức Thích-ca dạy phép Duy-thức. Ngài quán các pháp đều do thức-tâm biến-hiện, không có thật-tánh, nên diệt-trừ được lòng chuộng hư-danh và chứng được Duy-thức-tánh. Ngài tu-hành phép

Duy-thức trong nhiều đời nhiều kiếp, chứng được Vô-lượng - diệu-viên Thức tâm tam-muội, nhận thấy thập-phương chư Phật, vô-lượng chúng-sanh, toàn-thể pháp-giới đều là thức tâm và thức tâm tức là toàn-thể pháp-giới không hai không khác, nên được thọ ký-thành Phật. Khi đức Thích-ca ra đời. Ngài hiện sanh trong nhà một vị Bà-la-môn họ A-dật-đa ở Nam-thiên-trúc, tục truyền vào ngày mồng một tháng giêng Annam ta. (xuất xứ của ngày đản-sanh này chưa rõ ở kinh nào) A-Dật-đa, nghĩa là « không chi hơn » là họ của Ngài; còn tên của Ngài là Di-lặc (Maîtreya) nghĩa là Từ-thị hay Từ-tôn (vị đại từ). Nhân Ngài, trong đời quá khứ, làm một ông tiên tên là Nhất-thế-trí quang, nhờ một đức Phật chỉ dạy đặng Từ-lâm tam-muội, nên từ đó về sau, cho đến khi thành Phật ngài thường dùng danh-hiệu Di-lặc làm tên của ngài.

Theo kinh « Di-lặc Thượng-sanh » mười hai năm sau khi thuyết kinh ấy, trong ngày rằm tháng hai (tức tháng tư Annam), Ngài Di-lặc sẽ kiết-giã nhập-định tại chỗ bản-sanh của Ngài, thân Ngài vàng chói sáng rực như trăm ngàn mặt trời, trong hào quang của ngài có những chữ : Thủ - lạng-nghiêm Tam-muội, Bát-nhã-ba-la-mật ; Ngài nhập-diệt rồi hóa sanh trên hoa sen sư-tử-tọa đến Ma-ni-thất-bảo ở cung trời Đâu-xuất. Xá-lý của Ngài như tượng đúc bằng vàng không lay không động, chư Thiên đến xây Bửu tháp đặng cúng-dường xá-lý ấy.

Trên cung trời ấy, thân Ngài sắc vàng diêm-phù-đàn, cao lớn tối đẹp đủ ba-mươi-tư, tám mươi thứ tốt, xang-quanh có vô-lượng Bồ-tát làm thị-giả, cung ngài ở là Đâu-xuất nội-viện, Cung

ấy trang-nghiêm tốt bực, kẻ không biết, trái với Đâu-xuất ngoại viện là cõi trời phạm-tục; những cung điện nguy-nga, ao sen tốt đẹp, hương hoa bát-ngát, châu-báu nhầy đầy tiếng nhạc du-dương, chen với tiếng ca thanh-thót của vô số thiên-nữ kiều-diễm, mà tất cả tiếng ca nhạc đều diễn những phép tam-quy, ngũ-giới, thập-thiện, khổ, không, vô-thường, vô-ngã, sáu ba-ba-mật, và bốn hoằng thệ-nguyện v. v. . .

Nếu có chúng-sanh tra kinh lòng vô - thương Bồ-đề, muốn làm đệ-tử đức Di-lặc thì phải giữ năm giới, hoặc bát-quan-trai giới cho tinh-khiết, thân tâm thường tỉnh-tần tu pháp thập-thiện, và thường nghĩ đến cõi Tịnh-độ Đâu - xuất thì dầu không đoạn được kết-sử, cũng được vãng-sanh về cõi ấy, rồi sau được theo đức Di-lặc xuống cõi Diêm-phù-đề dự hội Long-hoa, sẽ gặp vô lượng vô số Phật và được thọ-ký thành Phật.

Chẳng những vậy, trong đại-chúng, ai nghe được tên đức Di-lặc vui mừng cung kính lễ-bái thì được vãng-sanh về cõi Đâu-xuất; cho đến những người trước đã phạm cấm-giới, tạo các nghiệp dữ mà đến nghe được danh-hiệu đại-bi của đức Di-lặc, biết lễ bái cúng dường, thành-tâm sám-hối, thì cũng được vãng-sanh. Lại ai may mắn nghe được danh-hiệu đức Di-lặc thì đời sau thành sanh chính-kiến, khỏi mắc tà-kiến, quyết định không hủy báng Tam-bảo và không đọa vào các đường dữ.

Nghe được tên đức Di-lặc đã được trừ tội báo sanh-tử trong năm mươi kiếp, niệm một hiệu đức Di-lặc đã trừ được tội báo ấy trong một ngàn hai trăm kiếp, lễ kính đức Di-lặc thì trừ được

tội báo ấy trong trong trăm ức kiếp, và dầu không vãng sanh Đâu-xuất thì về sau trong hội Long-hoa cũng gặp Phật Di-lặc và phát Bồ-đề tâm.

Đức Di-lặc ở cung Đâu-xuất nội-viện mãi đến tiêu kiếp sau khi loài người được phúc báo lớn, sống lâu hơn tám vạn tuổi, đời vua Chuyển-luân-thánh-vương tên là Nương-khư, ngài mới hiện sanh trong nhà một vị Đại Bà-la-môn tên là Diệu-phạm. Thân mẫu ngài là bà Phạm-nhật-bà-đề. Đến khi trưởng thành ngài quan sát ngũ-dục thế-gian làm cho chúng sanh chìm đắm trong đường sanh-tử, rất đáng thương xót, nên Ngài xuất-gia học đạo, ngồi dưới cây Bồ-đề Long-hoa, và liền trong ngày xuất-gia, Ngài chứng bậc Vô-thượng chánh-dẳng chánh giác.

Ngài thuyết-pháp hội đầu, độ chín mươi sáu ức người thành A-la-hán; hội thứ hai, độ chín mươi tư ức, hội thứ ba độ chín mươi hai ức đều thành A-la-hán. Ngài đến núi Kỳ-xà-quất gặp ông Đại-ca-diếp trao cái y của Phật Thích-ca truyền lại, rồi hiện thần-thông và nhập diệt. Ngài tán-thán công đức của đức Phật Thích-ca Mau-ni và của ông Ca-diếp, vị đệ tử tu hành đầu-đà-đệ nhất, làm cho vô lượng chúng-sanh đều phát Bồ-đề tâm.

Phật Di-lặc ở đời sáu vạn năm mới nhập diệt, hóa độ chúng sanh số không kể xiết.

Vậy toàn thể tin-dồ đều nên tinh tấn phát tâm hành thiện, một lòng lễ bái cúng-dường đức Di-lặc trong ngày mồng một tháng giêng để cùng nhau dự hội Long-hoa đồng thành Phật-đạo.

PHÁT BỒ - ĐỀ TÂM

Nam-mô A-Di-Đà Phật

Phàm làm một công việc gì, trọng yếu nhất là ở chỗ phát-tâm. Phát-tâm đúng-dắn thì công việc sẽ tuần tự lần tới kết-quả viên mãn. Phát-tâm không đúng thì dầu ra công gắng sức đến đâu, kết quả cũng vẫn chệch lệch, không như ý-nguyện.

Nay chúng ta đã phát-tâm tu theo đạo Phật tức là con đường giác-ngộ mà đức Bồn-sư chúng ta đã chỉ dạy, thì trước hết chúng ta phải phát-tâm nguyện được giác-ngộ. Phát-tâm nguyện được giác-ngộ, tức là phát Bồ-đề-tâm.

Phát Bồ-đề-tâm, chính nghĩa là gì ? Phát nghĩa là Phát-khỉ, phát-huy ; phát-khỉ những chí-nguyện, những đạo-niệm chưa có từ trước, phát-huy cái bản-tánh đương bị che-lấp, đều gọi là phát.

Bồ-đề nghĩa là giác-ngộ, giác-ngộ những điều si-mê lầm-lạc, giác-ngộ chân-tánh của mình và của toàn-thể vũ-trụ.

Tâm là cái hay biết nhóm-góp tất cả các huân-lập về quá-khứ và chuyển-biến thành quả-báo về tương-lai. Vậy tâm là cội gốc của nhân-quả, là nhân-duyên hiện ra thân, ra cảnh, nên trong kinh thường dạy : « tam giới duy-tâm, vạn pháp duy-thức ». Duy-tâm và duy thức vẫn đồng một ý-nghĩa, chỉ khi nói về Thể thì nói duy-tâm, khi nói về Dụng thì nói duy-thức mà thôi. Bản-thể tự-tâm vẫn không sai không khác, nhưng dụng của tâm vẫn thay-đổi tùy theo sự huân-lập. Dụng-tâm theo lối mê-làm, gây nghiệp chịu báo trong tam giới thì gọi là hư-vọng - tâm ; dụng tâm theo lối giác-ngộ, trừ bỏ các tập-quán mê-làm, mà phát Chánh-tri thì gọi là Bồ-đề-tâm.

Vậy nghĩa chung của bốn chữ « phát Bồ-đề-tâm », đầu đề bài giảng hôm nay, là phát-khỉ cách dụng tâm

theo đường giác-ngộ, là phát huy cái tâm-tánh rộng lớn, thường còn, sáng suốt, tự-lại, tức là cái Phật-tánh sẵn có của chúng ta

Phát Bồ-đề-tâm là một nhân-hạnh rất cần yếu cho người tu học Phật-pháp, vì là một sức nhiệm-mầu, một lá bùa giữ gìn huệ-mạng, làm cho chúng ta khỏi e-dè sợ-hãi trước những công việc khó-khăn, làm cho chúng ta đi thẳng một đường đến quả-vị giác-ngộ. Tiền-thân đức Phật Thích-ca cũng nhờ phát-tâm rộng lớn, lập chí bền-chắc mà trải qua vô lượng vô số kiếp Ngài tu được những nhân-hạnh khó-khăn, vui với công-việc lợi-tha, không kể nhọc nhằn, xem rõ danh lợi, biết bao phen hy sinh tánh mạng để đem lại cho chúng sanh những chuỗi ngày đầy tươi sáng, cho đến khi thành Phật. Trong vô lượng vô số kiếp, từ khi phát Bồ-đề-tâm, phàm Ngài làm một việc gì cũng cố để lợi ích cho toàn thể chúng sanh, không chút lòng thiên vị. Ngài coi nhân loại như ruột thịt, Ngài xem chúng sanh như máu mủ, hơn nữa toàn thể các loài hữu tình toàn được Ngài xem như con cái, dầu phải hy sinh cho chúng đến đâu cũng không từ chối. Như khi Ngài đang làm một vị Thái tử, bỗng trong lúc đi dạo trong rừng thấy một con cọp cái đói xù nằm trong hang, xung-quanh chỉ chờ một bữa con ngày đại, Ngài động lòng thương xót đến gần bên cọp mẹ tự cắt tay nhỏ máu vào miệng cho nó lăn-hồi tỉnh dậy, rồi đem tẩm thân cho nó ăn đỡ bữa, vui lòng hy-sanh để cho bữa cọp hưởng cái sống thừa khi gần chết đói. Công-hạnh của Ngài vĩ-đại đến thế, nên Ngài đã kết thiện-duyên với vô-lượng chúng-sanh trong thế-giới Ta-bà này và cách đây 2505 năm, dưới cây bồ-đề, Ngài đã nghiệm-nhiên thành bậc Vô-Thượng-Chánh-Đẳng-Chánh-Giác.

Gẫm lại chúng ta vẫn có Phật-tánh mà trong vô-lượng vô số kiếp cứ vất-cơ làm-lỗi trong vòng mê-muội, dụng-tâm một cách hẹp-hòi nhỏ nhen, dụng-tâm theo lối vị-kỷ, nên phàm làm việc gì cũng cứ nghĩ đến mình, thân mình, nhà mình, nước mình : miễn có lợi-ích cho mình

thì làm, không kể đến ai, trách nào chẳng gây ra những nghiệp dữ : cạnh tranh xâu-xổ, tham giận, kiêu-căng, rồi về sau phải chịu những quả báo gồm-ghê, nào viên đạn lớn, nào quả súng to, làm cho thấy chất thành nui, máu chảy thành sông.

Chỗ phát tâm có quan-hệ như vậy, nên Phật thường dạy : cửa vào đạo là phát-tâm rộng lớn, lập nguyện bền-chắc. Có lập nguyện bền-chắc thì công-hành tu-hành mới tinh-lần mãi, có phát-tâm rộng lớn thì Phật-đạo mới trông-mong thành-tựu ; trái lại thì dầu có tu-hành nhiều kiếp, số như vi-trần; cũng khó ra khỏi vòng sinh-l tử. Kinh Hoa-Nghiêm có câu : « Vong thất Bồ-đề-tâm, tu chư thiện-pháp thị danh ma nghiệp ». Nghĩa là « quên mất tâm Bồ-đề thì dù tu các pháp lành, cũng chỉ gọi là ma-nghiệp mà thôi » Kinh Hoa-Nghiêm là kinh vô-thượng thậm-thâm, dạy phép tu chứng Phật-quả, nên rất chú-trọng về Bồ-đề-tâm. Không phát Bồ-đề-tâm là tâm rộng lớn, tâm vị-tha, thì dù đem cái tâm vị-kỷ mà làm các việc lành, cũng chỉ được hưởng những phước báo thế-gian, không bồ-ích gì về mặt giải-thoát.

Vậy muốn thành chánh-quả quyết-định phải phát Bồ-đề-tâm, lấy tri-huệ của chư Phật làm con mắt sáng suốt, chớ lắt cả chúng-sanh trên bề đại-nguyên, quyết đưa nhau ra khỏi sông mê bể khổ, không kể thời-gian, không kể không-gian, dù gặp khó-khăn thế nào cũng không chán-nản, thối-khuất, thì mới quyết-định một ngày kia sẽ thành đạo chứng quả.

Song lối phát-tâm tu-hành vẫn có nhiều cách : có lối phát tâm tà-nguy, có lối phát-tâm chân-chánh, chúng ta cần phải nghiên cứu rõ ràng để tránh các điều lầm-lạc.

a) Lối phát-tâm tà-nguy. — Lối phát-tâm tà-nguy là lối phát tâm trong phạm-vi nhỏ hẹp, quanh-quẩn trong vòng ích-kỷ, như phát tâm tu-hành để con cháu mạnh-giỏi, tiền của dồi-dào, để cho được danh-tiếng lớn, được

cung kính cúng dường nhiều, được qua lại với nhà quyền quý, được thời-lớn làm hòa thượng. lừng-cang, sư iở, sư cụ, hoặc phát tâm tu hành để hưởng phước báo về sau trên các cõi trời Địch giới, hoặc để hưởng riêng những oánh giới thanh tịnh trong các cõi trời Tứ-Thuần, Tứ-Không v. v. . . Phát tâm như vậy thì dù bề ngoài in tuồng là thanh tịnh mà những mầm ngã si, ngã ái, ngã mạn, ngã kiến bề trong vẫn đâm chồi mọc nhánh, rất cuộc chỉ lộn quanh trong vòng luân hồi, nên gọi là tà-ngụy.

b) Lối phát-tâm chân-chánh. — Trái lại, lối phát tâm căn với giác tánh rộng lớn, không còn bỉ-thử, không còn hạn-lượng, vô thủ vô chung với thời gian, vô cùng vô tận với không - gian ; không cầu lợi - dưỡng danh vọng về hiện tại, không tham phước báo lạc quả về tương lai ; dứt trừ lòng nhân ngã, xóa sạch lòng phân biệt ; xem thập phương chư Phật, vô lượng chúng sanh đều tức là tâm, nên thường nương theo nguyện lực của chư Phật mà cứu độ chúng sanh đương đau khổ làm than ; không việc lành nào là không làm mà không thấy có làm, có ai làm ; không còn một phiền não là không đoạn tận gốc mà vẫn nhận biết toàn thể chúng sanh đều sẵn đủ trí huệ và đức tướng của Như lai, không còn một pháp môn nào là không tu học mà không thấy ai tu ai học và cũng không thấy thật có một pháp nào, không còn công đức nào là không làm, dù phải hy sanh đến thân mạng mà không thấy thật có công đức. Phát tâm như vậy mới gọi là phát tâm chân chánh.

Nhưng xét ra cho kỹ thì phát-tâm chân-chánh chỉ là phát-huy cái chân-tánh của tự-tâm chúng ta mà thôi. Lâu nay chúng ta dụng-tâm một cách hẹp hòi, chấp-ngã, chấp-pháp, gây ra những trần-lao, phiền-não, những tham-lam hờn giận, kiêu-mạn si-mê, rồi chịu trăm bề khổ-sở trong những cảnh già, đau, sống, chết, rất là oan-uổng ; thật ra thì chân tâm của chúng ta vẫn thường còn sáng-suốt chiếu cả mười phương, trùm cả xưa nay, không vì mê-làm

mà có sự sai khác. Chúng ta phát-tâm chán-chánh tức là y như tâm-tánh của chúng ta mà phát-tâm, quyết định từ bỏ những tập-quán mê-làm, những vọng tưởng điên-đảo, quyết dụng-tâm một cách rộng lớn, trùm khắp, lập những chí-nguyện không bờ bến ra ngoài hạn-lượng của thời-gian và không-gian, chưa thật nhận toàn-thể toàn - dụng của tự-tâm là còn tu, chưa hóa độ toàn thể chúng sanh ra khỏi khổ ách là còn làm, không hề vì một trở-lực gì mà phải thoái-thác.

Cha mẹ bà con chúng ta đương đau khổ, thân bằng quyến thuộc chúng ta trong vô lượng vô số kiếp đang đau khổ, toàn-thể chúng sanh đang đau khổ, chúng ta nở khoanh tay ngồi ngó khi đã tự nhận có Phật tánh, nghĩa là đủ năng - lực đưa mọi người đến hoàn toàn hạnh-phúc hay sao ? Chúng ta thường thấy biết bao nhiêu người vì mưu cầu chút hạnh-phúc vô-thường giả dối trong thế gian, còn phải thức khuya dậy sớm, nhọc thân thể, hao tinh thần, đánh đổ biết bao nhiêu trở lực, mới lần hồi đạt đến chí nguyện, hưởng chỉ chúng ta phát tâm mưu cầu hạnh phúc cho toàn thể chúng sanh, lại không đủ chí khí cương-quyết mà làm việc bằng họ hay sao ? Muốn giữ chí nguyện cho bền chặt thì luôn luôn trong kỷ ưc, chúng ta nên nhớ những điều như sau này :

1.) Phải hằng ghi nhớ công ơn Phật. — Trước vô lượng vô số kiếp, đức Phật Thích Ca đã giải-thoát ra ngoài vòng sanh tử, nhưng vì lòng từ bi thương xót chúng ta, Ngài phát nguyện rộng lớn bỏ cảnh an vui trong Niết-bàn, lặn lội trong tam-giới, chịu vô lượng hy sanh để giắt diu chúng ta trên đường giác ngộ. Khi làm Thái-tử, vì thấy chúng ta mắc phải các khổ già, đau, sống, chết, mà Ngài bỏ ngôi vua, bỏ thân-quyển, một mình vào Tuyết-Sơn tu khổ hạnh hơn sáu năm tròn để tìm đạo giải thoát. Thành-đạo chứng quả rồi, Ngài nhận thấy trí-thức chúng

sanh không thể trực-lãnh đạo màu, Ngài lại phương tiện bỏ chỗ cao mà nói chỗ thấp, bỏ chỗ khó mà nói chỗ dễ, lần lượt dạy vẽ trong bốn mươi chín năm, trải qua mười sáu nước, chia sẻ từng chút, căn kẽ từng đều, lại ngăn trước đón sau, phòng ngừa các đều lăm lặc, cho đến gần giờ nhập diệt mà vẫn thuyết pháp độ sanh; Công ơn của Phật, thật không thể kể xiết. Hiện nay tuy chúng ta không có phước sanh vào đời Phật còn tại thế, nhưng đọc các kinh, chúng ta cảm thấy lòng từ-bi của Phật chan-chứa trong từng việc làm, từng lời nói, luôn luôn nghĩ đến chúng ta là những chúng sanh trong đời mạt-pháp. Huống nữa Ứng-thân của Phật tuy nhập-diệt, Pháp-thân, Báo-thân của Phật vẫn thường còn, và hiện bấy giờ, không lúc nào chúng ta thành-lâm niệm Phật mà không thấy cảm-ứng, thành-tâm cầu Phật mà không được cứu vớt; và mỗi khi có một chúng sanh phát tâm đại-thừa, tu hạnh Bồ-tát thì đức Phật Thích-ca liền hiện thân rõ đầu thọ ký, như khi còn tại thế. Chúng ta nay được nhờ Phật biết đường nẻo tu-hành, được 11 phần giải thoát, chúng ta không thể quên công ơn Phật và tìm cách báo đáp. Nhưng Phật oai đức tự tại, Phật tức là tất cả, không thiếu một điều gì; vậy duy khi chúng ta thể theo lòng từ bi của Phật phát tâm rộng lớn, lập nguyện bền chắc, tận tâm đối với tất cả chúng sanh, như Ngài đã tận tâm đối với chúng ta từ trước, dầu dầm sương dãi nắng, thịt nát xương tan cũng không từ, thì họa may mới đền đáp được công ơn Phật trong muôn một.

2) Phải hằng ghi-nhớ công ơn cha mẹ và thầy bạn. — Thân chúng ta đâu phải tự nhiên mà có, đâu phải ngẫu nhiên mà sanh, chúng ta nhờ bao nhiêu tình-huyết và công trình sanh dưỡng của cha mẹ, hợp với nghiệp-nhân đời trước, mới có thân này. Cha mẹ chẳng kể công trình, vui lòng tận tụy, không ngại sự khó nhọc, không quản nổi hy sanh, hao biết bao nỗ-

hỏi nước mắt mới nuôi dưỡng chúng ta sống đến ngày nay ; công ơn ấy lớn như Thái-sơn, rộng như biển cả, toàn thể chúng ta chắc đã nhận thấy rõ ràng, nhất là những ngôi đã từng chịu khó nhọc với con cái.

Lại khi ta lớn khôn, nhờ thầy bạn dạy dỗ mà hiểu biết đều khôn đại, lẽ phải chẳng, thành ra người có học-thức, có đức-hạnh ; vậy công ơn của thầy bạn cũng không phải là ít.

Muốn báo đáp các công ơn ấy, trong thế gian chỉ biết sắm sửa đồ ăn, thức mặc, chăm lo thuốc-thang khi đau ốm, nhưng lắm lúc đến khi trưởng-thành thì cha mẹ đã già cả, thầy bạn đã khuất bóng, biết thế nào mà đền ơn đáp nghĩa, lại dầu có đền ơn đáp nghĩa cũng không đáng mấy ngày ! Về sau âm dương cách trở, biển luân hồi mù mịt dầu gặp nhau cũng chẳng biết là ai thì làm sao mà báo ơn cho được. Vậy duy có những người biết phát tâm rộng lớn, tu hành thành Phật, đủ trí huệ soi thấu quá khứ, vị lai, đủ sức tự tại ra vào trong tam giới, mới có thể theo dõi cha mẹ thầy bạn trong vô lượng vô số kiếp, dắt dìu lần đến bậc giải thoát, tức là đến hạnh-phúc hoàn toàn, thì mới đền-dáp được công ơn một cách xứng-dáng, và mới có thể gọi là vẹn-toàn hiếu-nghĩa.

3.) Phải hằng ghi nhớ ơn nước nhà, ơn nhân-loại, ơn chúng-sanh. — Hằng ngày chúng ta được an cư lạc-nghiệp là nhờ ơn vua trị nước, ơn quan chức an-dân. Lại nhờ người làm ruộng, chúng ta mới có cơm ăn ; nhờ người dệt may, chúng ta mới có áo mặc ; nhờ thợ mộc thợ nề, chúng ta mới có nhà ở ; Công ơn của xã-hội không thể kể xiết. Chẳng những vậy mà những điều kinh nghiệm của nhân-quần từ đời quá khứ đã giúp đỡ nhiều cho sanh hoạt chúng ta được dễ dàng ; cho đến nhiều loài vật, như trâu cày ruộng, chó giữ nhà, ong làm mật, lằm kéo tơ, cũng

giúp ích cho chúng ta nhiều lắm.

Vậy tuy chúng ta biết hằng ngày làm trọn phận sự, hơn nữa làm các việc lành có lợi ích cho đời, cũng có thể đền đáp một vài phần, song những ân-nhân ấy hiện đương chịu đau khổ trong vòng luân-hồi như chúng ta, chúng ta không lẽ làm ngoi không tìm phương cứu vớt. Mà muốn cứu vớt thì dầu siêng năng làm việc đến đâu trong một đời hay trong một kiếp cũng không đủ; chúng ta cần phải phát-tâm rộng lớn, lập chí-nguyện lợi-tha bền chắc, ra ngoài không-gian và thời-gian, xem các vị tôn-trưởng như cha mẹ, xem mọi người như anh em, xem tất cả chúng sanh như ruột già máu mủ, đoạn vô lượng phiền não tận nguồn gốc, học vô lượng pháp môn để hóa độ cho vô lượng chúng sanh trong vô lượng vô số kiếp, thì mới quyết chắc báo được ơn ấy một cách thỏa mãn.

4.) Phải ghi nhớ những sự thống khổ ở đời — Có thân là khổ, có sông chết là khổ, đó là một điều cần phải ghi nhớ luôn đề cho đạo tâm ngày thêm bền mạnh. Xét ra từ khi ở trong thai cho đến khi vừa sanh ra, xung quanh chúng ta đã biết bao sự tanh hôi dơ nhớp; rồi từ nhỏ đến lớn, đói phải ăn, khát phải uống, nóng thì toát mồ hôi, lạnh thì té tái cả người, mà vẫn phải lăn lộn vất vả với đời để tìm phương nuôi sống, khổ sở không thể kể xiết. Nhưng gắng nuôi sống sáu bảy mươi năm là đã già: tóc bạc, răng rụng, lưng mỏi, gối dòn, mắt lờ, tai điếc, tinh-thần lẫn lộn, không còn cảm-giác gì, ngoài sự đau đớn. Khổ sở như thế, lại từ nhỏ đến già, nào được mạnh-khỏe luôn đâu; ăn ít quá cũng đau, ăn nhiều quá cũng đau, ở không mãi cũng đau, làm việc nhiều cũng đau, lạnh cũng đau, nóng cũng đau, mỗi khi bị ngoại-cảm nội-thương lại sanh ra bệnh hoạn; mà đã lâm bệnh hoạn thì khổ sở nào khác gì trong cảnh địa-ngục. Rồi may ra bệnh nhẹ thì qua khỏi,

còn bệnh nặng thì phải chết, chết với cảm giác thân thể rời-rã, chết với cái tiể:-nối đời sống hiện-tại, chết với cái sợ hãi bước đường mù mịt tương-lai !

Nhưng nào phải già, đau, sống, chết, làm khổ mà thôi đâu ! mong cầu một việc gì mà không được, như cầu cho thì đậu mà cứ hỏng, cầu cho nhiều tiền mà cứ nghèo, cũng là một mối khổ ; lại nhân-duyên gặp gỡ, giáng thân-ái đương thất chặt mà lắm khi phải chia rẽ kẻ bắc người nam, cũng là một mối khổ ; cha mẹ muốn có con hiếu-thảo mà sanh phải đứa con hoang-dàng, tôi tớ muốn gặp ông chủ hiền lành mà gặp phải ông chủ ác-nghịch, biết bao nghịch-cảnh thường xảy tới cho người, đó là một mối khổ ; cho đến kẻ tu-hành, đạo-lý tuy đã rạch ròi, nhưng sự thật khó bề giải thoát, muốn quên cái thân mà vẫn dính mãi với thân, muốn trừ phiền-não mà vẫn lộn quanh với phiền não ; thói quen nhiều đời nhiều kiếp, đuổi không đi, dập vẫn còn, đó là một mối khổ.

Các sự thống khổ như vậy, nguyên do chỉ bởi mê lầm ; mà muốn trừ cội gốc mê lầm cho mình và cho mọi người thì ngoài sự phát Bồ - đề - tâm, đổi những thói quen lầm lạc thành ra những đức : thương, lạc, ngã, tịnh, không còn có cách gì trừ được.

5) Phải hằng nhớ đến bản-tánh thanh-tịnh của mình. — Kinh có dạy : « Nhất thể chúng sanh giai hữu Phật tánh », nghĩa là hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh. Vậy chúng ta đều có mê lầm cho mấy, mà tâm tánh chúng ta vẫn thanh tịnh sáng suốt, như như bình đẳng, vẫn có thể đầy đủ vô lượng vô biên công đức như các đức Phật. Đã có tâm tánh như vậy, chúng ta nỡ để vui dập trong vòng phiền-não luân - hồi mãi mãi cho danh ư ! Xưa nay các đức Phật đâu phải tự nhiên thành Phật, các Ngài đều vì biết tôn trọng bản tánh, gắng sức tu trì dựng trực-nhận bản tánh, rồi phát huy bản tánh một cách đầy đủ mới được thành Phật.

Chúng ta cũng có bản tánh như Phật, chúng ta cần phải quyết sống với bản tánh rộng lớn thường còn sáng suốt của chúng ta ; chúng ta không thể để bản tánh ấy sống mãi trong vòng hẹp hòi như bản, gây sự đau khổ cho mình và cho kẻ khác một cách oan uổng, phi lý. Vậy chúng ta phải phát Bồ đề tâm, quét sạch bụi trần cấu gương tâm chiếu rạng, đem đèn trí tuệ mà soi thấu giấc mộng ngàn thu, lấy nước cam lộ mà tưới tắm những ngọn lửa phiền não đang rực đỏ trong cõi lòng chúng sanh, thì mới khởi phục Phật tánh bản lai của chúng ta.

Nam mô A-di-đà Phật, trong buổi cạnh tranh xâu xé mạnh được yếu thua này, nhân loại đang đua nhau vào trong vòng vô cùng thống khổ, thế giới không khác gì một bãi chiến trường, chúng ta thử hỏi tâm suy nghĩ, những nỗi lo âu oán ấy, những tâm trạng ghê gớm ấy do đâu mà sanh, nếu không phải do lòng ngã-chấp, do tâm vị-kỷ nhỏ nhen và đố kỵ. Vậy muốn trừ diệt nỗi thống khổ ấy cho tốt gốc, hầu mong gây dựng hạnh phúc cho nhân loại, chúng ta cần phải chính mình và khuyên mọi người đều phát Bồ đề tâm. Vì có phát bồ đề tâm, thì mới trừ được lòng ích kỷ hại nhân, mới giàu lòng từ bi bác ái, biết hy sinh những thích thú của mình để mưu cầu hạnh phúc chung cho nhân loại. Người đã phát Bồ đề tâm thường lấy năm châu lam bán-ngã, xem hũu tình như phản-lữ của thân mình. Thấy người nào bị đau khổ cũng như mình bị đau khổ, thấy người nào được an vui cũng như mình được an vui, không còn thấy một người nào, vật nào, cảnh nào ngoài tâm, nên biết thương yêu chúng sanh một cách đượm đà thành thật, biết rộng lòng tha thứ tất cả tội lỗi và mới có thể gây dựng được một thế giới thân ái, an lành, đạo vị, rất bồ đề cho đời về phần linh thân cho đến về phần vật-chất. Đến khi ăn uống từ bi lan khắp nơi, ai ai cũng biết bỏ lòng ích kỷ, tu hạnh lợi tha, bỏ mười điều

dữ, tư mươi điều lành, thì lo gì một ngày kia, thế-giới
ngũ-trước này không trở thành một Cực lạc thế giới.

Kết luận, tôi xin tụng lại bốn lời thệ nguyện
lớn của những vị đã phát Bồ đề tâm :

Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ,

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Nam mô Thường tinh tấn Bồ tát.

NGUYỄN DUY-NHƯ

(Bảo-Quốc Tăng-Học Trường)



NGHĨA CHỮ ĐẠO

Kỳ nghỉ hè năm nay (1942) Tổng-trị-sự hội Annam Phật-học có mở một lớp dạy Phật-giáo cho các bạn trẻ trong đoàn Phật học Đức-dục do ngài Kiểm-duyệt giáo-lý của hội giảng dạy.

Sau khi học xong, đoàn ấy có soạn nhiều bài tóm tắt các điều đã học và đã tự tham-cứu thêm, chúng tôi nhận thấy các bài ấy rất hữu ích cho các bạn trẻ muốn nghiên-cứu Phật-giáo, nên xin lần lượt đăng lên Bản-san.

Chúng tôi trông mong rằng đến nghỉ hè năm nay, Hội cũng sẽ mở một lớp học như thế, nhưng không chỉ riêng cho Đoàn Phật-Học Đức-Dục, mà còn nhận cho con cháu các Gia-đình tín Phật theo học, tưởng sự lợi-ích sẽ được rộng-lớn hơn. Mong thay!

L. T. S.

..

Người ta thường nói : biết đạo phải, theo đạo lành. Những kẻ hành vi bạo ngược thường bị chê là vô-đạo. Nhưng đạo là thế nào?

Chữ Đạo 道 gồm có hai phần : chữ thủ 首 là đầu, và bộ xước 辵 là đi. Nghĩa chữ đạo chính ngụ trong hai phần đó.

Đạo tức là nguyên lý, tức là trạng-thái hồn nhiên của vũ-trụ. Như câu trong kinh Dịch : một mở một đóng gọi là biến, qua lại không cùng gọi là đạo. (一闔一闢謂之變,往來不窮謂之道) hay lời trong Trung-dụng: Trung là gốc lớn của thiên-hạ, hòa là đạt-đạo của thiên hạ. Chữ đạo huyền vi của Lão-tử chính hợp với nghĩa này: « đạo khả

đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh ; hữu danh vạn vật chi mẫu, vô danh thiên địa chi thủ » Đạo tức là vũ-trụ, ngày đêm luân chuyển, trời đất xoay vần, ngọn triều lên xuống của cuộc đời, đều do đạo điều-khiển, nhưng bản thể của đạo không thể lấy tư tưởng mà nhận được ; ngọn gió không thể đem bàn tay nắm lấy được, phải lắng tai mà nghe, mới nhận được tiếng rì rào man mác ; đạo cũng thế, phải gạt sạch mọi tư tưởng, đề tâm hòa một nhịp cùng vũ-trụ, họa chăng mới nhận được một vài phần.

Đạo lại có nghĩa là đường tu hành, cách cư xử. Làm tỏ những đức sáng suốt thiên nhiên, đề khiến người ta càng ngày càng hơn hay, cho đến chỗ chí thiện, đó là đạo, là đường chính của người quân-tử thâm nho. Và Lão-tử cũng thấy ở đời có một con đường sáng suốt, một lẽ phải tự nhiên, một luật tự nhiên của vũ trụ, ai thuận theo thì còn, ai trái thì mất ; con đường ấy gượng gọi là đạo vì không có chữ gì đủ và đúng hơn. (Chữ principe của Pháp có thể dịch được chữ Đạo vì gồm có hai nghĩa).

Vì thầy trung là gốc của trời đất, nên đạo Nho dạy người phải giữ thái-độ ngay chính sáng suốt và làm những việc đứng đắn không thiên vị. Vì thầy vắng lặng và không phân biệt là tánh cao nhất của vũ-trụ, nên Đạo-lão khuyên người nên tịnh-mịch thuần hòa, lấy vô-vi làm chuẩn đích. Thiên-lý với bản-tính của người ta vốn là một, cho nên người có thể cảm ứng cùng trời đất ; người phải giữ việc làm cho thích hợp với lẽ trời. Nếu đạo trời là thành

thật, đạo người tức là giữ cho được thành thật.

Đạo là chân lý của vũ-trụ, nhưng chính vì thế, đạo phải làm qui-cử cho mọi sự hành-dộng ở đời. Phải chăng đó là một vẻ riêng của tư tưởng phương Đông? Người ta đã từng nói: tinh-thần châu Âu là một tinh thần sáng-tạo quyết liệt, tư-tưởng người Âu là một vị Promethe luôn luôn thi gan thử sức với Trời. Nhà hiền triết phương Đông, phải chăng là người cho vũ-trụ là một khúc nhạc lớn, trong đó người chỉ là một cây đàn, phải lên dây vận trực đề cùng vũ-trụ hòa tiếng thanh cao?

Theo nhà Phật, chữ Đạo không ngoài hai nghĩa của đạo Nho đạo Lão, nhưng còn rộng hơn.

Đạo tức là một tánh chung cùng, không sinh không diệt của vạn sự vạn vật trong thời gian triền miên, trong không gian vô-hạn. Đây không phải là một luật của vũ-trụ, một lẽ trời làm chuẩn đích cho người. Đạo đây là bản-thể không hai của chúng sanh và của vũ-trụ, vì mê-làm từ vô-thỉ đến nay, nên ta thấy nơi bản-thể đó hình như có tâm có cảnh, có người có ta, nhân đó sinh tình, sinh nghiệp, và chịu khổ luôn luôn, Các đức Phật, các bậc Bồ-tat vì nhận được bản-tánh ấy, vì chứng đạo, nên diệt được mọi khổ và hưởng được cảnh yên vui vô cùng của Niết-bàn.

Đạo lại là đường tu, hay rộng hơn là lối sống. Vì thế mới có những chữ: đạo trời, đạo người, đạo súc sanh, đạo qui dối. Bất cứ lối sống nào đem được đến chỗ thiệt, chỗ hay tức là chính-đạo, hay Bồ-đề đạo; trái lại tức là ngoại đạo hay Tà đạo.

Bồ-đề (bodhi) là giác-ngộ, sáng suốt. Đạo Phật là đường tu do một vị giác-ngộ đã chỉ cho ta đề giải mê, thoát khổ: đạo Phật là đạo Bồ-đề.

Vì muốn giảng dụ cho nhiều người, đạo Phật phải dùng những phương-pháp dễ dàng hơn là lối trực nhận, như lễ-nghi, tụng-niệm ; vì thế chia ra tông, ra phái. Song tính người ta vốn lười, chỉ muốn giữ những lễ lối sẵn sàng, không chịu nhận đến ý nghĩa hay lúc đầu. Như hòn đá lăn trên núi tuyết, đập càng ngày càng phủ một lớp dày ; mà nghĩa lý càng sâu xa, tôn-chỉ càng dễ sai lạc, chẳng khác lần hơi càng bốc lên cao, càng dễ trôi xuống thành mây mưa. Cùng một lúc chữ đạo bị dùng lẫn lộn với những chữ « tả đạo », chữ tôn-giáo (religion); đến nỗi bây giờ nói chuyện đạo, nhiều người tưởng ngay tới một số người nhiều hay ít, cùng si-sup trước một đấng thần vu vơ, cùng cúi đầu theo một mệnh lệnh hão huyền.

Cho nên định nghĩa trước lúc giảng đạo tưởng cũng không phải việc thừa.

NGUYỄN-HỮU-QUÁN

(trong đoàn Phật-Học Đức-Dục)

PHẬT-HỌC CƯƠNG-YẾU

LỜI NÓI ĐẦU

Phật-học là một môn học rất huyền-vĩ, rộng lớn, có nhiều lý-nghĩa sâu-sắc, nhiều danh-lí mới lạ, làm cho những kẻ sơ-học khó bề tham-cứu, đến nỗi nhiều người thấy khó quá mà sanh lòng chán-nản.

Chúng tôi cũng nhận biết như vậy, nên đã thường phương-tiện sưu-duyên bản những lẽ rất khó bàn, nói những điều không thể nói, trông mong các độc-gia nhận được đại-khái của Phật-học để dễ nghiên-cứu và tương-lai.

Chúng tôi vừa xem lại bài giảng về Phật-Học Cương Yếu của ngài Thái-Hư, nhận thấy phương-tiện rất hợp thời-cơ; ngặt vì lời lẽ khúc-mắc, e dịch thẳng thì các hạng sơ-cơ khó hiểu, nên chúng tôi sau đây chỉ thuật lại ý-nghĩa trong bài ấy, không câu-nệ về văn-tự, để cho toàn-thể độc-gia được phần lợi ích.

THẾ NÀO LÀ PHẬT HỌC ?

— Phật là một tiếng nói tắt, muốn nói cho đủ thì phải nói Phật-Đà (tiếng Quảng-đông đọc là Phù-thò, tiếng quan-thoại đọc là (Bụt-đà) tức là tiếng dịch âm của chữ phạm Boudha, nghĩa là bậc giác-ngộ. Cũng như trong thế-gian gọi những người nhiều học thức là bậc học-thức các bậc giác-ngộ hoàn-toàn cùng-khắp thì gọi là bậc-giác-ngộ. Bậc giác ngộ tức là những vị hiện đã chứng được phẩm tối cao của loài người và tất cả các loài.

Các bậc hiền-triết xưa có câu : « Nhân thân tiểu thiên địa » thật rất đúng-đắn. Theo thuyết vũ-trụ đối đãi của khoa-học, cũng như theo nghĩa « pháp-giới trùng trùng duyên-khế » trong kinh Hoa-nghiêm, người là một vũ-trụ nhỏ, đối với toàn-thể vũ-trụ không hai không khác, nên

duy những bậc hoàn toàn giác-ngộ, lấy toàn thể vũ-trụ làm bản-lân, mới đạt đến giá-trị tối cao của nhân-sanh, ý nghĩa tối cao của nhân-sanh. Vậy loài người muốn thật-hiện phẩm cách tối cao của mình thì tất nhiên phải đến chỗ giác-ngộ hoàn toàn như Phật.

Phật là bậc mô-phạm tối cao, người tin theo Phật cốt để nhận rõ cách làm người, để bước tới những địa-vị siêu-nhân cho đến để được hoàn toàn giác-ngộ. Vậy tin theo Phật quyết định không có chút gì là mê-tin, mà lại còn phải phá trừ mê-làm tội gốc để cho được giác-ngộ hoàn toàn.

Vả chẳng Phật chưa hề nói : « duy một mình ta là Phật, các người cứ nhắm mắt theo ta » Phật chỉ dạy : « Phàm có tâm linh hay biết, đều có thể thành Phật, miễn bết tu theo những phương-pháp thích hợp đúng với sự thật ».

Vậy Phật-học là học Phật-pháp, là học làm Phật. Chuẩn đích của Phật-học là ai ai đều có thể thành Phật; nên rất bình đẳng (bình đẳng đây chẳng phải người nào cũng bằng nhau cả đâu; bình đẳng nghĩa là hễ có nhân thì có quả, tạo nhân làm người thì được quả làm người, tạo nhân làm trời thì được quả làm trời, tạo nhân làm Phật thì được quả làm Phật, cân bằng chắc-chắn không hề sai chạy).

Phật-pháp nghĩa là phương-pháp tu-hành thành Phật, không phải là tôn-giáo mà cũng không phải là triết-học, nhưng có thể bao-trùm tất cả tôn-giáo, triết học, và vượt trên tất cả tôn-giáo, triết-học.

Phật-pháp tuy có những lý-luận siêu-việt như triết học, nhưng vẫn xem rõ ý-tưởng và chú-trọng thật nghiệm. Phật-pháp tuy có những sự cung kính cúng dường như các tôn-giáo, nhưng tin-đồ đều có thể tu chứng lần đến bậc giác-ngộ hoàn-toàn như Phật nên khác với các tôn-giáo.

A) Nguyên lý. — Nguyên lý của Phật-học, nếu muốn nêu một chủ-nghĩa thì phải gọi là chủ-nghĩa hiện-thật. Hết thầy sự vật trong vũ-trụ hiện-hiện như vậy thì gọi là hiện ; sự thật của sự vật hiện đương tồn-tại đó thì gọi là hiện-thật. Chủ-nghĩa hiện-thật là chính nơi sự thật hiện tại của sự-sự vật-vật là như vậy thì liền nhận là như vậy, không lăm nhận thành điều khác.

Mục-dịch của Phật-học là hoàn-toàn giác-ngộ, sáng soi toàn-thể vũ-trụ rõ-rõ ràng-ràng, nhận rõ thật-tướng, tức là nhận rõ bản-lai diện mục của vũ-trụ. Cái bản-lai diện-mục ấy, trong kinh Phật dạy là : **Pháp nhĩ như thị.**

Nói cho đúng thì chủ-nghĩa hiện-thật của Phật-Học cũng có thể gọi là cái chủ-nghĩa không chủ-nghĩa. Vì sao ? — Vì các học-vấn trong thế-gian toàn đã thêm vào những tư-kiến và chủ-quán của cá-nhân không nhận đến cái « công bằng không riêng » của vũ-trụ, nên gọi là có chủ-nghĩa ; còn chủ-nghĩa hiện thật của Phật-học là trực nhận sự thật bản-lai như vậy, không có chủ-quán, không có tư-kiến nên cũng có thể gọi là cái « chủ-nghĩa không chủ-nghĩa ».

Nói tóm lại, Phật đã chứng rõ cái hiện-thật bản lai như vậy, lại dùng những lời nhiệm-mầu khôn-khéo, chỉ dạy cái hiện-thật ấy cho chúng sanh nên gọi là hiện-thật chủ-nghĩa. Hoặc vì theo Phật-pháp mà chỉ rõ chân tướng của vũ-trụ nên gọi là Hiện-thật chủ-nghĩa.

Giảng về Hiện-thật chủ-nghĩa có thể chia ra làm 4 đoạn :

1) Hiện-hành thật-sự. 現行實事.

2) Hiện sự thật-tánh. 現事實性.

3) Hiện lượng thật tướng. 現實量相.

4-) Hiện biến thật-lực. 現變實力.

1) **Hiện-hành thật-sự.** - Hiện-hành thật-sự tức là những sự thật có, như là hiện có thế giới, hiện có nhân loại, hiện có muôn vật. Thật sự mà gọi là hiện-hành là vì hiện tiền sự vật không có vật gì là không lưu-hành biến-hóa, không có vật gì chắc-định không thay đổi. Trong vũ-trụ hết thấy mọi sự mọi vật, lớn như một thế-giới nhỏ như một vi-trần, đều lưu-hành biến-hóa nên đều gọi là Hiện-hành thật-sự. Thân người có sanh, có chết, mọi vật có thành, có hoại, cho đến quả địa-cầu cũng phải bao nhiêu triệu năm mới thành, rồi đến bao nhiêu triệu năm lại phải hư nát, đó là một điều rất dễ nhận. Nhưng chỉ nhận được muốn sự muôn vật có sanh là có diệt, có thành là có hoại thì còn chưa nhận được chân-tướng, vì thật ra muôn sự muôn vật trong thời thời khắc khắc biến hóa mãi mãi: như một thân người khi trẻ thơ, khi tráng thành, khi già yếu, từ lúc mới sanh cho đến lúc chết, không lúc nào là không thay đổi, hằng ngày biến-hóa như một giòng nước. Cái giòng lưu hành biến hóa ấy có thể nói là giòng sanh-mạng. Như thân người, tất cả sự vật trong vũ-trụ đều lớn nhỏ thông nhau, trước sau sanh nhau, sanh diệt nối nhau, từng sát-na, từng sát-na vẫn lưu-chuyển biến-hóa mãi-mãi. Nghĩa sát-na sanh diệt ấy rất thích-hợp với khoa học hiện-thời, vì khoa-học đã nhận biết sự vật trong vũ-trụ toàn do các nguyên-tử hợp thành và các nguyên-tử gồm các điện-tử âm dương thường lưu-chuyển biến-hóa mãi. Song khoa học chỉ căn cứ nơi cảm giác ngũ quan, nên tuy có chỗ âm-hợp, nhưng không thể trực tiếp nhận biết được lý nghĩa sát-na sanh diệt như Phật-học, tức là nhận được Hiện-hành thật sự.

Nhận được hiện - hành thật sự thì biết sanh-mạng loài người không phải sau khi thân này sanh ra mới có. Sanh-mạng ấy là một giòng chuyển-biến vô-thỉ vô-chung, còn đời người chỉ là một đoạn hiện ra trong giòng sanh mạng; cũng như một khúc của sông trường-giang, một

đời sống chết chẳng qua là một thử giả-tướng hiển ra trong giòng sanh-mạng mà thôi. Lại chẳng những sanh-mạng mới vậy mà hết thấy sự sự vật vật cũng đều như vậy, trong thời thời khắc khắc vẫn biến-hóa mãi mãi, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, tiếp-tục vô cùng vô-tận, không hề gián đoạn.

Rõ được đạo lý Hiện-hành thật-sự đã phá được nhiều điều mê-làm Người đời vì không rõ lý ấy, cảm thấy đời mình trống rỗng, không ý nghĩa, không giá-trị, trừ những sự hưởng-thụ về vật-chất để sống mà chờ chết thì chẳng thấy một việc gì khác nữa nên thường đua nhau làm cho đầy đủ dục vọng đến nỗi dấn xé, lẫn-luộn nhau, rối cuộc gây nên những thảm-kịch khốc-liại cho toàn-thể nhân loại.

Lại cũng vì không biết đạo-lý ấy mà một hạng người tưởng-tượng có Tạo-hóa gây-dựng và làm chủ muôn vật, sanh ra các điều mê tín làm cho bản-tánh cố thể giác-ngộ của loài người bị che lấp, không nhận rõ được cái tánh lưu-hành biến-hóa không đầu không đuôi của toàn-thể vũ-trụ.

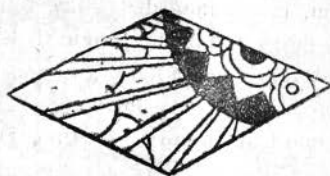
Nếu nhận được chân-tướng của nhân sanh là vô-thỉ vô chung, nhận được chân-tướng của thế-giới là vô-thỉ vô chung, tuy in-tuồng có sanh, diệt, thành, hoại, nhưng thật ra chỉ lưu-hành không nghỉ, sanh diệt không dứt mà thôi, thì có thể mở rộng tâm-lượng đến vô biên vô tận. Tâm-lượng đã mở rộng thì không còn chấp trước và được khế-hiệp với chân-tánh của vũ-trụ. Chừng ấy mới biết nhân sanh, thế-giới đều là Hiện-hành thật sự trong giòng sanh-mạng vô-thỉ vô-chung và sự thật-hiện không phải ngẫu-nhiên : nghiệp quá-khứ làm nhân, sự vị-lai làm quả ; nghiệp hiện-tại làm nhân, sự vị-lai làm quả ; nhân quả lớp này lớp khác, nối nhau không ngừng . vậy nên mỗi mỗi hành-vi của đời người đều có một giá-trị bất-di.

Cái đạo-lý Hiện-hành Thật-sự theo nhân-quả đó,

mọi người đều nên rõ biết, để có thể bớt sanh phiền não, được nhiều lợi ích. Nhận được Hiện-hành thật sự, tin được đạo-lý nhân-quả, người đời có thể thành được người toàn thiện, thành được các bậc siêu-nhân thành được các bậc Bồ-tát và lần đến chỗ giác-ngộ hoàn-toàn như Phật. Người biết được đạo-lý ấy mới biết được giá-trị chắc-thật công việc của mình làm, mới có thể sống một đời sống có ý nghĩa, và phát được chí-nguyện rộng lớn để tu tập cho đến chỗ hoàn-toàn giác-ngộ.

(còn nữa)

Thuật-giả: **TÂM-MINH**



TINH - TẤN

(Tặng các bạn tu học Phật pháp
trong buổi đầu xuân)

Tinh tấn là một hạnh cần-thiết trong sáu phép-ba-la-mật. Chúng ta là đệ tử Phật hằng ngày phải phụng trì nó, không giải đãi. Nó phải là người bạn thân yêu của ta hơn cả, vì bao giờ nó cũng nhắc nhở ta trong đường tu tập. Càng thân thiết với nó bao nhiêu, luôn luôn ta cảm thấy đời ta vui đi mãi đến cảnh giới « đầy » san lạn.

Trong các phép ba-la-mật đều có nó : Tinh tấn về bố-thí, về tri-giới, về nhẫn-nhục, về thiền-dịnh, về tri-huệ, và cho đến hơn tám vạn tế hạnh đều có nó.

Không tinh tấn là giải đãi. Giải đãi thì san tham được công nhận, hủy phạm được tùy thuận, sân nhuế được tự do, tán loạn được phóng túng, ngu si được thần cận. Một ngày không tinh tấn là một ngày giải đãi, một ngày giải đãi là một cơ hội tốt cho ma - quân đến cướp bóc báu tạng công đức. Cho nên trái ngược với tinh tấn là giải đãi.

Chúng ta những người đã được nghe chánh pháp của Như-lai, chúng ta đã vạch sẵn một con đường đi, nhận rõ lý nhân quả nơi tâm, chúng ta phải luôn luôn tinh tấn.

Người làm ruộng muốn lúa mùa cho nhiều hạt, phải thức khuya dậy sớm. Người muốn có sức mạnh phải chiến thắng ma ngũ trược, kế tiếp luyện tập thể thao trong mỗi buổi mai. Một ông thầy thuốc lành nghề cũng đã từng phen gây ngất khảo cứu nhiều chồng sách, khó nhọc xoay sở các sự biến mien của bệnh trạng để được những sinh nghiệm rạch ròi. Bao nhiêu anh hùng hào kiệt đều có dễ gì mà đến được địa vị muôn đời sung thượng. Đức Không-tử ngủ không nóng chiếu, ông Châu-công bữa ăn nhả cơm ba lần, ông Tiên-cù đêm ngủ gối chuông (1) Các ngài luôn luôn tự sách lệ đề làm chí, nếu không phải đề tinh tấn trên đường đạo !

Các ngài ấy chỉ vì suốt tánh mà còn phải tinh tấn nữa là chúng ta ! Mỗi ngày ta tinh tấn là ta chắc rằng tâm ta đã huân tập được ít nhiều công đức. Công việc ra khỏi sông mê, đến bờ giác ngộ, không phải ở nơi văn chương lý thuyết, ta phải trọng thật hành. Đã là việc không phải một ngày thành được, ta phải đồng mãnh, làm bao việc thiện, nghiêm khắc dứt bỏ việc dữ. Tinh tấn là ông tướng tiên phong đem đi đánh ma quân, để khôi phục lấy rừng vàng bệ bạc nơi ta. Ta đã mau hay văn minh là bởi ta tinh tấn hay giải đãi.

Tinh tấn tức là « đồng » bên nhà Nho. Mà « đồng » là một đạt đức trong ba đức: nhân, trí, dũng. Kẻ sanh ra biết giữ đạo là cũng có làm, kẻ học mới biết giữ đạo là cũng có làm, kẻ ngu si gắng gỏi giữ đạo là cũng có làm. Mà làm là một hành tướng của tinh tấn.

Vậy làm theo tinh tấn là làm thế nào ?

Luận Đại-thừa biện-pháp minh-môn giải rằng : trong việc tu các điều thiện, đoạn các điều ác, tinh tấn lấy đồng lấy hẩn làm tánh của nó, lấy trọn vẹn các việc lành làm nghiệp dụng của nó. Luận lại giải rằng : Đồng là biểu sự **thắng** **tấn** mà bỏ các nhiễm pháp. Hẩn là biểu sự **tinh** **thuần** mà bỏ các pháp **tinh-vô ký** (khi không nghĩ gì). Đồng mà biểu thắng tấn là vì đồng có tánh cách mạnh mẽ, có thể lực, siêng năng, không như tánh trầm trọng của các pháp nhiễm. Hẩn mà biểu tinh thuần là vì hẩn có tính cách gắng gỏi, không chịu đứng đờ, không thối lui, không lấy làm đủ, không như tánh hôn-mê của vô-ký.

Thế thì gắng sức tom góp của cải theo thói đời, hì học công danh theo thói đời là cần mẫn (siêng năng) chứ không phải tinh tấn, vì « cần » có ba tánh thiện, ác và vô ký mà tinh-tấn thì chỉ thuần thiện.

Nhận làm nghiệp dụng của tinh tấn làm chủ đích của đạo, rồi chỉ sốt sắng với bao công việc ở ngoài như lập trường-học, làm cầu cống mà thôi, những sự làm ấy ch

là phần thắng tấn của tinh tấn còn một phần tinh thuần của tinh tấn đã bỏ sót. Đã không đi sâu vào tánh thứ hai quan yếu này thì ta có thể sụt xuống tâm lượng của những người hiểu danh, hiểu lợi.

Muốn thật hành tinh-tấn, ta phải làm xứng theo hai tánh của nó. Ta phải thắng tấn tránh dữ, làm lành ở ngoài đã đành, mà còn tinh thuần những điều lành dữ nhỏ nhiệm bề trong nữa. Người khen ta ta cũng chớ mừng ; người chê ta ta cũng chớ giận ; học ta được bao lắm mà ta dám tự mạn ; đức ta được mấy nổi mà ta dám tự kiêu. Tự khiêm tự hạ như thế không phải tinh tấn hay sao ? Dứt sạch lòng danh lợi không phải tinh tấn hay sao ? Bao nhiêu ô-nhiễm lâu đời gắng công gội rửa cho gương tánh ngày thêm quang rạng không phải tinh tấn hay sao ? Tinh-tấn như thế mới thật là tinh-tấn.

Người theo đúng nghĩa tinh-tấn như thế là vua Thang. Ta hãy đọc bài « minh » viết bên chậu rửa của vua : « cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân » Ý nghĩa bài này nói : thật một ngày mà gội rửa được một ít ô-nhiễm thì ngày sau lại có thể nhân đó gội rửa thêm, cho đến tiếp tục công việc ấy sau này mãi mãi (Đại - học) Công việc tinh-tấn sửa mình viết bên chậu rửa ! Vua Thang hiểu nghĩa chữ tinh-tấn biết bao !

Đức Khổng-tử cũng đã giảng nghĩa chữ tinh-tấn cho thầy Tử-lộ khi thầy hỏi ngài sự mạnh : « Ông hỏi sự mạnh ở phương nam, ở phương bắc, hay sự mạnh của ông ? Khoan thứ nhu hòa, không báo lại kẻ vô-đạo là mạnh ở phương nam, kẻ quân-tử ở đó. Gối gươm giáp, chết mà không chán là mạnh ở phương bắc, người mạnh ở đó. Kẻ quân-tử hòa mà không a dua, mạnh biết bao ! giữ đạo trung mà không thiên-vị, mạnh biết bao ! Nước có đạo không đổi cảnh thanh - đạm, mạnh biết bao ! Nước vô-đạo đến chết không đổi chí bình sinh, mạnh biết bao ! ! !

Ý đức Khổng tử muốn đem cái mạnh đức-ngĩa của

kẻ quân-lữ mà at cái mạnh khi-huyết (mạnh bằng sức lực) của thầy Tử-lộ. Mạnh đức-ngĩa lấy sức nhẫn-nhục hơn người; vì thế nên không phải người thiết thực muốn tự thắng tự dục (lòng dục vọng riêng trong tâm của mình) thì không sao theo được. (Trung-dụng) « Mạnh » bằng « đức nghĩa » đức Khổng đã thưởng thức nghĩa hai chữ tinh-tấn một cách thâm thía !

Nhưng bậc hiền xưa như thầy Tử-lộ còn chưa biết thì ta theo thế nào được ? — Ta đừng ngại ! Ta tìm thấy sự tinh tấn như thế trong kinh luật của Phật cả. Thôi chúng ta tinh-tấn lên ! Nghĩa là giữ giới ! Thôi chúng ta thật-hành đi ! nghĩa là giữ giới !

Song nếu, chúng ta biết sát nghiệp là lỗi lầm mà còn đem mấy chữ « bất cố sát » để dối lòng là chúng ta chưa tinh-tấn. Chúng ta biết trâu đạo là tội nghiệp, nhưng còn để cho tài lợi làm mù quáng bằng cách dần tiếp là chúng ta chưa tinh-tấn. Chúng ta biết tà-dâm là bậy bạ, mà còn mẫn khách kiều-tư (đàn bà đẹp) bên đường, tiếc người yều điệu trong trường là chúng ta chưa tinh-tấn. Chúng ta biết vọng-ngữ là bỉ-tiện, mà còn cứ « phương-tiện » hoài là chúng ta chưa tinh-tấn.

Muốn làm bạn với « người bạn đem ta lên đường hạnh-phúc » ta phải tự cường bất-tức như bạn ta. Ta phải thật hành giới sát cho tinh - vi, không những ta tha chết cho tất cả sanh vật không thêm thít nó nữa, mà ta còn đề ý thương xót những chúng sanh đang sống dưới chân ta. Ta phải thật hành giới đạo cho rốt ráo, không những không bao giờ lấy cái mình không có quyền sở-hữu, mà còn phải nghĩ rằng ta đang tiêu-thọ của xã-hội khi ta ngồi rồi ; có ăn-nghĩa ta phải đền đáp. Ta phải thật hành giới tà-dâm cho trong sạch, không những tiếng dâm bên ngoài ta phải tránh, mà ta còn phải thanh-tâm quả-dục nữa. Ta phải thật hành giới vọng - ngữ cho thật thà, những điều « ba lơ » hay « phương tiện » ta chớ tập nữa, lời nói ta bao giờ cũng đúng với sự thật, đi theo với một ý thành không lay chuyển.

Trên đường tu tập còn biết bao hạnh khác, bắt đầu ta phải thật hành ngũ-giới cho tinh vi. Học gì cũng có bậc đầu, bậc đầu ta nên chắc chắn. Rồi sau kia, bát chánh-đạo, lục-độ . . . đang chờ tinh tấn của ta. Nếu ta tinh tấn nhiều năm, ta mới nhận biết rõ quặng đời trước của ta là một cơn ác mộng.

Ta tinh-tấn lên ! Vì ta đã biết đạo !

Ra đường gặp một cụ già khỏe mạnh với thân thể uy-nghi, tươi tắn với nét mặt đạo-mạo ta cảm thấy khí «bất-diệt» nơi cụ già. Trong khi ấy ta cũng có thể đoán biết rằng : cụ đã nhiều năm tinh-tấn, và không phải như ai tin rằng : cụ sẽ thành thần, ta cũng tin rằng : cái kiếp sau của cụ sẽ hơn thế, và khi ấy cụ cứ tinh-tấn nữa khi phách trở trung hoai, cụ sẽ «bất-diệt» mãi.

Ta cũng có thể như vậy. Ta hãy nuôi khí phách nơi ta, để cho nó tăng trưởng thêm mãi vì ta đã chắc rằng tâm ta chịu huấn tập. Góp gió thành bão, biết đâu nay việc thiện này, mai việc thiện khác, ngày sau mình lại không thành Thánh-Hiền, thành Phật.

Cũng như ông cụ già ấy, muôn loài đều có thể «bất-diệt» nếu đều tinh-tấn.

Năm lụn tháng tàn mà tinh-tấn vẫn trở mãi. Tinh-tấn trở với muôn vật, muôn vật trở với tinh-tấn. Cả hai đều càng trở thêm nuôi năm xuân đến.

Thì nay vũ-trụ đã nhuộm ánh thiêu-quang. . . .

Kìa những đóa hoa đào trên cành mới bỡ ngỡ đang mơn nụ cười ngọc đỏ mà nay đã kết những quả mận vàng. Những cây cam cây bưởi muốn hòa dịp với điệu sống của muôn loài đều đua nhau nở đầy những hoa thơm bát ngát để kết quả sau này Mùng xuân đến đem theo tinh-tấn của muôn vật, hoa thực-đực, hoa hồng, hoa râm. . . . cùng đua nhau hơn hở tỏa ra thứ hương thơm sực nức, tô điểm thứ sắc đẹp lầy dưới ngọn gió dịu hòa, dưới không

khí trong sạch. Mừng xuân đến đem theo tin, tấn của muôn loài chim hoàng-anh, chim chóc-mào. . . cũng đem thứ tiếng thanh tao ra cuộc tụng trên cành cây đầy những mầm non lá lộc. Và muôn hồng ngàn tia đón xuân sang.

Mọi người và cho đến mọi vật, như nhận được cái vui trẻ của mình khi xuân đến, đều vạch chương-trình tấn hành công việc trong năm sang. Thêm một tuổi thêm một khôn, ai cũng nhận thế, và tất ai cũng muốn thưởng « tinu-tân ».

Quảng-ta, người đã nhận muốn vui trẻ cần phải tinh-tấn, lễ đầu trong buổi đầu xuân, ta không cảm hứng cái điệu sống của muôn vật mà phác họa một chương - trình đạo nghiệp đề tinh-tấn, cho chúng ta ?

Sang năm mới ta cũng ca-ngâm, nhưng phải vang câu ai-ngư !

Sang năm mới, ta cũng viết, nhưng phải đầy động nhàn-từ !

Sang năm mới, ta cũng chơi, nhưng phải chơi theo lợi-hạnh !

Sang năm mới, ta cũng nói cười, nhưng phải nói cười theo đúng lễ chơn !

Sang năm mới, ta cũng làm, nhưng phải thêm phần tinh-tấn !

Cũng như xuân buổi đầu năm, tuổi trẻ của chúng ta là một nguồn hy-vọng cho đời ta.

Ta tinh-tiến chăng ?- ta thưởng xuân một cách thâm-thía.

Ta giải-dải chăng ?- ta bỏ xuân một cách phụ-phàng.

Ai người biết xuân, biết đạo, ta hãy cùng nhau t nh-tấn !!!

Nam-mô Thương-Tinh-Tấn Bồ-tát ma-ha-tát

NGUYỄN-NĂNG-VIÊN

GIÁO-DỤC BẰNG LỐI HUÂN-TẬP

Trong nền giáo-dục ở xứ ta, một sự thay đổi lớn đang thực-hiện từ hơn nửa thế-kỷ: phương-pháp dùng oai quyền độc đoán đã dần dần lui bước nhường chỗ cho phương-pháp dùng lý-luận mà giảng-giải. Ngày trước ông cha nghiêm-nghị bắt con mặc áo dài cần thận, nằm sấp trên chiếu rồi vừa nhíp roi mây vào móng con vừa dạy : « con phải làm thế này, con phải làm thế kia . . . » Những điều phải làm ấy đều rút trong « sách vở » do bậc « thánh hiền » dạy. Con Cái không được hỏi vì có gì hay để làm gì. Ngày nay chữ « nên » dịu dàng đã đến thay chữ « phải » khắc khổ. Bà mẹ tân-thời có học, hiền lành và đù-yếm, ôm con vào lòng mà ngọt ngào dặn : « Con của mẹ nên làm như thế này, nên làm như thế kia. . . » rồi bà kiên-nhẫn cắt nghĩa lời khuyên mình bằng những lẽ rất hay, rất phải.

Nguyên do không phải tìm ở đâu xa : cuộc cải-cách đang thực-hiện ở đây chỉ là tiếng vang của cuộc cải cách đã thực-hiện ở Tây-phương. Lối dạy dỗ nghiêm-khắc của người La-Mã hay của người Âu-châu trong thời trung-cổ đã thành một vấn-đề quá-khứ. Đầu đầu, ngày nay những tư-tưởng tự do, giải phóng, phát triển cá-nhân cũng đã xâm-lấn vào nền giáo-dục. Các thể-hệ mới không còn vâng theo cái lối dạy dỗ chỉ bênh quyền lợi gia-đình, xã-hội và dè bẹp cá-tánh của đứa trẻ, bắt nó nhắm mắt theo những bổn-phận đã định từ ngàn năm về trước. Người phản đối nhất chính là người đàn bà, nhất là từ khi tư-tưởng bình-quyền và cách tổ-chức tiểu gia-đình đã cho họ quyền hạn khá rộng trong việc giáo dục. Vì dễ con ra, họ rất quý trọng con, có su-hướng xem con như những bậc

kỳ-lai, chỉ khéo uớt nấp một tí là có thể tạo thành những ông Lê-Lợi hay Trần-hưng-Đạo. Họ sẵn sàng cho con mình có bản tánh rất tốt nên chỉ nghe những lời giảng-đu diu-ngọt kia là chúng đủ phải suy nghĩ và hành động theo đường thiện.

Kết quả thật là trái-ngược. Ngày xưa người ta tôn quý sự đoàn-kết trong gia - tộc, thì ngày nay người ta chỉ lo sống riêng biệt, không ngó gì đến họ hàng. Ngày xưa những bậc tiết-phụ góa chồng từ lúc hai mươi cũng vẫn ở vậy suốt đời nuôi con thì ngày nay người ta sẵn sàng nghe theo lý-thuyết ích kỷ của một quyền « lạnh-lùng ». Từ lúc bé sống trong cảnh chiều chuộng, dưới một chế độ giáo-dục dễ-dãi, phần đông thanh-niên ngày nay hẳn không thể nào có được cái tinh thần chiến-đấu, cái đức vị - tha mạnh mẽ của thanh-niên ngày trước Nguyên do chắc còn lắm điều phức-tạp, nhưng trong ấy quan niệm giáo-dục phải chịu một phần trách nhiệm rất quan-hệ.

Trình bày sự nhận xét ấy, tôi không có ý thiên-vị cố bệnh vực nền giáo-dục cũ, tôi muốn dẫn giải cùng bạn đọc rằng nguyên nhân của những kết quả trái ngược kia chính là những điều kiện tâm-lý xấu sắc mà giáo-dục không thể bỏ qua được. Vì đã thỏa được cái điều kiện ấy, người xưa đã thành công hơn người đời nay tuy phương-pháp họ có phần khắc-khổ và bị giam hẹp trong thành-kiến. Nhân đây tôi lại tỏ rằng không đâu bằng trong Phật-giáo, những điều kiện tâm-lý được phân-tích và chỉ dạy rất rành mạch. Đó chính là lý-do quan hệ đã khiến Đoàn chúng tôi lấy Phật-giáo làm nền tảng cho đức-dục tương-lai vậy.

Lỗi-lầm to lớn nhất của phương-pháp giảng dạy ngày nay là cho lý luận một địa-vị quá-trọng trong việc giáo dục. Lý-luận có lẽ hiệu-nghiệm nếu con người chỉ là một bộ-máy do trí óc điều khiển. Khốn nỗi con người luôn luôn bị tình-cảm xao-xuyến, mà những tình-cảm ấy lại

chẳng phải toàn là tốt đẹp cả. Nếu thật mọi người đều biết nghe lẽ phải thì người có chức vụ giáo-dục chỉ có việc chép tất cả những bổn phận phải theo vào một quyển sách rồi bắt học thuộc lòng là đủ. Đàng này không, Những lời giảng bắt của bà mẹ lọt vào tai đứa bé chẳng khác nào nước đổ trên lá môn. Một lời rủ-rẻ của bạn, một tấm ảnh chiếu bóng đủ khiến nó quên tất cả những bài học latin lý ở trường.

Người xưa không hoài công đi lý-luận dông-dài như vậy. Ngay từ lúc bé, họ đã ép trẻ con vào những khuôn khổ rất chặt chẽ. Trong cách cư xử với những người trong gia-đình đứa bé đã phải theo những bổn-phận rõ rệt kỷ-mỹ. Nó không được chiều chuộng mà phải vâng lời. Tuổi thơ ấu của nó hẳn là không êm-đẹp, nhưng lớn lên nó đã có đủ những đức tính nhẫn-nhục cương-quyết vị-tha, đủ ý-chí, đủ nghị-lực để giúp ích cho đời. Nó đã quen cực khổ, đã quen dè dặt cá-tánh, đã quen quên mình, đã quen không nhìn đến điều xấu, và làm các điều hay. Nghĩa là nó đã được huấn-lập theo con đường thiện,

Huân nghĩa là ướp, tập nghĩa là luyện thành thói quen. Gỏi trà đem ướp hoa sồi sẽ thơm mùi hoa sồi, đem ướp mạn sen sẽ phảng phất hương sen. Người xưa xem tâm hồn trẻ em như một căn phòng trống rỗng không có mùi vị gì. Trong phòng ấy, họ cho vào dần dần rất nhiều hương thơm. Căn-phòng dần dần sức nức một mùi dễ chịu. Vì dù có một hơi thổi ở đâu chen đến, cái mùi dễ chịu kia cũng đủ sức lấn át cho lấp đi được. Cũng như thế, giáo dục chắc chắn ngày xưa là một khí giới bảo hộ cho đức hạnh người niên-thiếu. Được huấn-lập từ lúc bé, theo con đường thiện, họ sẽ không dễ dàng bị những sức quyến rũ về sau làm lay chuyển.

Bởi vậy, phương pháp giáo dục bằng lối huấn-lập là một phương pháp rất hiệu nghiệm và rất hợp lẽ phải. Trước sức cảm-đổ của dục-vọng ta không thể đem ý-chí ra chiến đấu một cách hiệu nghiệm nếu ta

không có một bản tẩn trong sạch mà bản tẩn chỉ là kết quả của một thời huấn-tập lâu dài. Cho nên ta không lấy làm lạ rằng : tuy ít mệt nhọc hơn, giáo dục ngày xưa đã đem lại những kết quả tốt đẹp hơn lối giáo dục hiện - đại. Ấy là chưa nói lý - luận giảng dạy chỉ có thể thực hành trong hàng hữu học thôi, chứ trong quần chúng, phi những lễ lối nhất định, thì giáo dục ấy không còn biết nương dựa vào đâu được.

Tuy nhiên ta phải nhận rằng lối giáo dục ngày xưa có rất nhiều khuyết điểm : Tin vào câu : « nhân chi sơ, tánh bản thiện » người xưa xem tâm hồn trẻ em như một bát nước trong suốt, để mình tùy ý pha vào màu xanh, hay màu đỏ. Mà sự thật đâu có phải như vậy. Nói đứa bé mới sinh đã có đủ những màu tham lam, nóng giận. Trong thân-tâm nó có thể chứa chất những dục vọng ghê gớm chỉ chờ dịp là bùng giậy. Vì thế ở thời xưa, ta có thể thấy trong một hoàn cảnh nghiêm khắc, vài thanh niên xấu nết làm những việc đồi bại trái hẳn với nền giáo-dục gia-đình. Trong trường-hợp ấy bậc cha mẹ ngày xưa không còn hiểu ra làm sao, nên rất ghét giận đứa con hư hỏng, rồi có những lối cư xử quyết liệt gần như độc-ác khiến đứa con nhiều lúc đâm ra liều-lĩnh, làm tổn hại cho cá-nhân, gia-đình và xã-hội.

Cha mẹ lại còn quyết liệt quá đáng hơn, khi giáo dục không còn giữ được nguyên-lý. Khi dùng phương pháp oai quyền ép bức, người xưa hẳn có chủ - ý muốn huấn tập trẻ em theo đường thiện từ lúc bé. Nhưng trong hàng phụ huynh, đã có mấy người hiểu cho cái chủ ý ấy ! Phần đông họ chỉ tuân theo lễ lối như một cái máy, chẳng hề tự hỏi vì sao mình phải hành động như vậy. Nghe theo sách vở, họ không chịu suy xét nên khó lòng khỏi mắc vào những thành kiến hẹp hòi. Chẳng hạn chỉ câu : « thân thể phát phu

thợ ư phụ mẫu, bất cảm hủi thương . . . » cũng đủ khiến họ không chịu nổi, tắm rửa trong ba năm để tang cha mẹ. Ai không làm thế họ cho ngay là bất hiếu !

Tự mình đã không tìm biết nguyên lý, lẽ tất nhiên họ không cho con tìm hỏi vì sao phải chịu một lối giáo dục nghiêm-khắc như vậy. Chế độ độc đoán ấy có thể hiệp với trẻ em dưới mười hai, mười ba tuổi vì chúng chưa có suy xét và cần phải một mực vững lời. Nó có thể hiệp với thanh-niên ngày xưa quen chịu một lối dạy dỗ sách vở, quen học thuộc lòng những câu thánh-hiển mà tuân theo như cái máy. Nhưng nó không thể hiệp với thanh-niên ngày nay. Thanh niên ngày nay được nhận một lối học vấn rộng rãi, dạy cho họ nhận xét, suy nghiệm theo phương-pháp phân-tích, chứng thực của khoa học. Họ muốn hiểu, muốn rõ cái nguyên-lý mà bậc phụ-huynh không thể chỉ cho họ. Thiếu kinh nghiệm họ lấy làm ngạc nhiên trước những lẽ-lối phiền-phức của thời-đại cũ, Họ lại càng ngạc nhiên hơn khi những lẽ-lối ấy lại mất hết ý nghĩa và thành những trò hề mai-mỉa. Về nhà thờ họ-hàng, họ không hiểu vì sao phải cúng tế liên-miên, vì sao mỗi lần cúng lại phải đặt cả một con heo hoi tanh lên bàn thờ tiên tổ, vì sao lại phải lạy theo hiệu-lệnh hê-ha của một ông « học-trò » xưng lên bằng một thứ tiếng không phải của nước mình mà cũng không phải của nước Tàu ! Rồi họ tự hỏi thà bỏ quách nhà thờ đi có phải hơn là giữ lại một nơi dùng làm chỗ tranh-danh, hà-hiệp lẫn nhau không ? Đã nghi-ngờ họ không thể tin theo, và cũng không thể tin theo lý-thuyết quá mới lạ ở bên ngoài. Trong lúc phân vân ấy họ rất dễ dàng nghe dục-vọng, mưu cầu lấy sự thoả-thích nhần-tiền quên mất nghĩa vụ của tuổi trẻ ?

Chỗ nhiệm-mầu của Phật-giáo là tránh được những khuyết điểm ấy và vẫn giữ được nguyên lý tốt đẹp của giáo-dục thời trước.

Phật giáo cho sự tu-hành mà giáo-dục chỉ là một phần bé nhỏ, chỉ là một vấn-đề huấn-lập lâu dài. Bản-tánh của con người gồm những thói quen chấc-chứa từ vô-thỉ. Cái « bản-tánh » chính là cái «đế-bát-thức» mà bạn Phạm-Hữu-Blanh đã giải-bày trong bài Duy-thức (Viên-âm số 50, 51) với «đế-bát-thức» ấy, người ta không thể lấy lý-luận mà sai khiến. Nó là một cái kô-làng, không phân biệt điều hay điều dở, chỉ biết một việc là thân - niệm và giữ giữ. Muốn có một « bản-tánh » tốt, ta phải « huấn » nó trong điều thiện, « tập » nó theo những đức-tánh hay. Ta phải tạo cho trẻ em một hoàn-cảnh tốt để ướp tâm hồn nó, ta phải dạy cho nó biết thực-hành các đức hay về cho nó lấy phần linh-động của thức-tâm (ý-thức) mà huấn-lập «đế-bát-thức».

Người đạo Phật không có cái tư-tưởng quá lợc-quan cho rằng tâm-hồn trẻ là hoàn-toàn trong sạch. Họ hiểu rằng «đế-bát-thức» vốn bị huấn-lập trải qua nhiều kiếp, và trong kiếp này nó có thể mang theo những hạt giống (chủng-tử) hoặc xấu-xa hoặc tốt-đẹp. Công việc của người dạy-dỗ là giúp cho những chủng-tử hay đủ sức nảy-nở (hiện-hạnh) và ngăn ngừa các chủng-tử xấu đừng cho phát-khởi. Đã biết con trẻ có một « chủng-tử » xấu, họ phải tìm cách huấn-tập nó để tạo một chủng-tử trái với chủng-tử kia, hầu mong lấn-át hẳn đi. Nếu không may chủng-tử xấu vẫn hiện-hạnh như thường, họ sẽ không ngạc-nhiên thất vọng mà hiểu rằng sức huấn-tập trên chưa đủ lực ngăn-cản mầm không tốt. Vì thế họ kiên-nhiên cố gắng huấn-tập trẻ em theo đường thiện một cách hiệu-nghiệm mãnh-mẽ hơn.

Theo nguyên-lý cần phải huấn-lập trong việc giáo-dục, người đạo Phật không bắt buộc phải thực-hành những định-luật chặt-chẽ nào. Trong việc dạy-dỗ họ không cố-chấp giữ thành-kiến xưa, và chỉ cốt dùng những phương-tiện gì thích-hợp nhất, lợi ích nhất. Đã hiểu rằng muốn giáo-dục phải huấn-lập, họ có thể hành-động một cách rất uyển-chuyển, rất linh-

động tùy theo từng đứa bé, miễn đạt được cái mục đích « huân-tập » kia là được. Nếu đứa bé giàu tín-ngưỡng, yền-kinh tôn-giáo, họ sẽ dạy nó hăng ngày tuân theo giới-luật. Nếu nó ham vui chơi, trọng tình thần thương-võ, họ sẽ tổ-chức những cơ-quan như hướng-dạo đoàn. Khi nó lớn lên biết suy-nghiệm và muốn hiểu biết, họ sẽ giảng cho nó ý nghĩa của sự giáo-dục, giải-bày lối học Duy-thức và vẽ cho nó tự mình dùng ý-chỉ mà sửa đổi tâm-tánh mình bằng những lối nhập-định quán-luồng... Kết-quả bao giờ cũng là một : huân-tập mọi người theo đường thiện. Tôi không chối rằng cái lối uyển chuyển luôn luôn tùy người mà thay đổi phương-liện rất khó áp-dụng. Phải là một người trực-giác, giàu kinh-nghiệm mới làm nổi. Nhưng đạo Phật, như lời bạn Đình-văn-Nam đã trình bày trong ngày Phật-đản năm nay có những lễ nghi rất giản-dị, rất dễ thương có thể dùng để huân-tập trẻ em trong bất cứ cảnh-ngộ nào. Lúc còn bé ta rất vui-mừng sung sướng làm theo những lễ nghi êm-dịu thuần-hậu ấy. Lớn lên ta sẽ tìm hỏi để hiểu, ta sẽ thấy rằng đạo Phật cất nghĩa rất rạch-ròi cái nguyên-do cần phải dùng lối huân-tập trong việc giáo-dục. Ta sẽ hiểu rằng trong đạo Phật giáo-dục chỉ là bước đầu trên con đường tu-hành. Ta không phải chỉ cốt rèn luyện cho thành một người vô-hại, mà còn phải rèn luyện cho thành người hữu-ích : hơn nữa ta phải sửa mình sao cho có thể tự giải-thoát và giải-thoát cho người.

Lối giáo-dục triết-đề bằng huân-tập ấy chỉ có thể tìm thấy trong đạo Phật.

NGÔ-ĐIỀN

Trong đoàn Phật-học Đức-Dục

XUÂN SANG

Xuân đến. Đây là một dịp đề người ta vui và buồn, mến và tiếc. Các nhà thi-sĩ mặc sức mà ca-tụng xuân. Ca-tụng cho nhiều đề rồi tiếc nhớ cho lắm. Không bao giờ người ta đề cho xuân qua một cách tự-nhiên. Hoa nhóm nở người ta đã thấy một mầm tàn-tạ, chim đang hòa vui, người ta tưởng nghe những niềm kè-lẽ của sự chia ly.

Họ buồn tiếc, chỉ là vì một ý-tưởng hẹp-hỏi. Xuân ở đây tàn, thì xuân ở một nơi khác thịnh. Ở đây mất xuân thì ở một nơi khác được. « Vua nước Sở mất cung, người nước Sở sẽ được, chứ có mất đi đâu mà sai người tìm ». Câu nói của vua Sở bị Khổng-tử chê hẹp hỏi. Ngài bảo nên nói : « Cửa người này mất, thì người khác được ». Nhưng theo các đức Phật, câu nói của Khổng-tử vẫn chưa rộng-rãi. Trong vũ-trụ không cái gì mất đi đâu cả ! Xuân đổi chỗ, nhưng xuân nào có mất. Đầu mỗi năm nó lại trở về, với những màu sắc hương hoa năm trước. Nhiều người vẫn hiểu thế. Thế mà vẫn có nhiều người buồn, khi thấy xuân đi.

Ở đây, thật ra họ không buồn vì xuân của một năm mất. Họ buồn vì nhận thấy cái xuân lớn của một đời tàn dần trong mỗi xuân nhỏ của từng năm qua. Thi-sĩ Xuân-Điệu đã vang

to cái ý-ngầm của mọi kẻ :

« Xuân đang tới nghĩa là xuân đang qua.

Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,

Mà xuân hết thì đời tôi cũng mất ».

Buồn khổ vì sợ đời mất ! *Đấy cũng là cái buồn khổ của sự hẹp nghĩ.* Chúng ta chỉ thay đổi : chúng ta có mất-mát đi đâu ? Tâm của chúng ta vẫn tự-tại. Năm bảy mươi năm, một trăm năm đi nữa, nào phải giới-hạn chúng ta ? Sao lại chia-chê làm chi, cho đời ngắn-ngủi. Thời gian chỉ là bóng dáng của không gian lay-chuyển. Chỗ này khuyết đi, chỗ kia nổi dậy : từng phút giây hiện rõ trên cảnh tượng lấp bời. Có cái gì đến một trăm năm, rồi mất hẳn ? Đã có trong hiện-tại tất nhiên phải vĩnh-viễn.

..

Dầu biết thế lắm người vẫn đau-đớn cho đời qua. *Nguyên có của sự đau-đớn ở đây chỉ vì sống quá riêng tây, chật-hẹp.* Bao nhiêu tình-cảm trút hết cho một vài người thân. Giây tình ái buộc không cân, nên mất thăng-bằng là phải lắm : vui ít mà buồn nhiều. Càng gần về già, người ta lại càng buồn bã, khi nghĩ đến lúc phải từ-giã những người thân, để đi trong một cuộc hành-trình không trở lại. Rồi đến ngày từ-giã, bao nhiêu giây tình-cảm cắt ngang : tiếc-nuối, khổ-đau !

Đau khổ vì đã lỡ trút tình yêu vào một chỗ, đã lỡ ở không cân. Họ đã quá sông *khăng-khít*

với vài người thân, nên đã lạ-lùng cùng vũ-trụ. Khi sắp về nơi bản-nhiên, người ta bỗng đâm ra sợ-sệt, thấy mình bơ-vơ giữa cảnh chưa quen. Có những đứa trẻ chưa bao giờ thấy biển, khi tàu sắp nhỏ neo đưa chúng ra khơi lần đầu, chúng bỗng sợ-hãi kêu rú lên, vì thấy cái bãi xanh xanh kia cứ lay động mãi. Ở đây cũng thế, cảnh cũ sắp xa-lìa, cảnh mới chưa quen thuộc: bao nhiêu phiền-não dòn-dập trong một phút thay đời !

∴

Mỗi năm qua, một mùa xuân đến, nhắc lại phút chia-ly kia. Các nhà thi-sĩ đua nhau khóc mướn cho mọi người. Ngáy xuân trở thành những ngày tang tóc. Trong lúc ấy thì hoa vẫn nở, chim vẫn hòa vui, hương vẫn say dậy *Chỉ có người buồn, vì đã hẹp nghĩ, hẹp sống.*

∴

Sự hẹp-hòi bao giờ cũng gây khổ-sở. Mở rộng tư-tưởng ra, và đời sống của chúng ta phải trùm chứa mọi vật. Phải nhắc-nhớ luôn luôn rằng: chúng ta là một phần của vạn vật bất diệt, và vạn vật bất-diệt hòa-hiệp trong mỗi chúng ta. Đừng nghe lầm tiếng lòng nhỏ-hẹp nó chỉ kê-lễ những nỗi đau-buồn. Tư-tưởng của chúng ta phải năng đi về cùng vũ-trụ. Trăng sao không lạ với những kẻ quen nhìn.

Chúng ta phải sống khăng-khít với trời đất, rất quen thuộc với tự-nhiên, để cảm nghe cái hồn vạn-vật reo-dậy trong hồn chúng ta, và hồn chúng ta tràn đầy trong vạn-vật. Nữ thi-sĩ De Noailles quá gần-gũi với thiên-nhiên nên đã cảm -thôn

được những niềm rung-rẩy kỳ diệu của cỏ cây. Nàng tưởng như mình đã quen với cái chết, và đang sống lộn-lạo với đất-đai (1). Ngồi nhìn cảnh vật, Valéry khoái-trả tưởng đến cái phút hóa-thân như một trái ngọt biến thành khoái-lạc, khi hình-dáng lần tan trong miệng (2)

∴

Tình cảm cũng phải theo tư-tưởng mà rộng-rãi.

Nếu hẹp-hoài, « tình là giây oan » Phán phát tình yêu cho cân. Đứng quanh-quẩn với người thân mà khổ. Có hiệp thì có tan. Chúng ta không thể ăn đời ở kiếp với nhau được. Trục bánh xe quay mãi, giục-giã lên đường, phải sửa soạn sẵn những cuộc hành-trình, gởi một vài bức thư để làm thân trước. Có những người lia gia-đình là khổ, vì ngoài gia-đình họ chẳng biết ai thân. Có người yêu quá què-hương, khi xuất dương là thấy như bị đi đày. Gắn hết cả nhân-loại sợ giờ làm chung như một cực hình. Nếu biết lo xa mà rộng rãi và công-bình một chút, chúng ta đỡ được nhiều khổ-đau. Bớt một phần thương yêu của chúng ta với người thân để khi sắp đi thẳng khỏi đau-khổ

1. Je serai si sensible et si jointe à la terre
Que je pourrai penser avoir comme la mort,
Et me mêer, vivante, au reposant mystère
Qui nourrit et fleurit les plantes par les corps.

(Le Verger)

2. Comme le fruit se fond en jouissance,
Comme en délice, il change son essence
Dans une bouche où sa forme se meurt,
Je hume ici ma future funée

(Cimetière matin)

như đứt tâm bào - Thêm cái phần này cho cỏ hoa đất nước, giây tinh-ai của chúng ta khi này sẽ ràng rịt can phân. Nếu sau này khi bánh xe quay hết một vòng - năm bảy giây tinh ở đây đứt đoạn, thì ở một nơi kia đã có sẵn những giây khác thay vào. Chúng ta khỏi bị trức đồ, khỏi phải khổ-đau, như bị lặn-pháo từ trên cao xuống, mà chẳng biết níu vào ai.

Và đi đâu, chúng ta cũng sẽ quen-thuộc cả. Sự bơ-vơ lạ-lùng, kinh-hãi sẽ không có nữa, khi chúng ta đổi chỗ ở cuối cùng của một kiếp phù-du.

Cử chỉ của một kẻ đứng nhìn trăng sao của một ông già đầu bạc đang vun xới khóm hương, khóm huệ sao tôi thấy khôn ngoan lạ-lùng.

VÔ-ĐÌNH-CƯỜNG

Trong Đoàn Phật-học Đức-Dục

XUẤT-GIA

Đêm Ấn-độ tỏa dần thanh-khi nhẹ. Muốn vì sao lấp-lánh, kết thành ngàn chuỗi hạt kim-cương. Mảnh trăng rằm đung-đỉnh ngự trên những chóp núi cao ở phía đông, những giòng ánh sáng màu sữa chảy lai-láng cả không gian. Gió lạnh-lạnh từ những đỉnh núi tuyết ở Hy-mã-lạp-sơn thổi về, đem trộn lẫn hương của trăm thứ hoa rộ nở với những mùi thơm ngọt của những trái cây chín muồi. Âm-thanh diu-dặt vang-động từ những làn sóng rất xa của sông Hằng. Trời đất dâng hương và nổi nhạc để đón tiếp một đấng cao-cả nào đây ?

Trong hoàng-thành của Tịnh-phạm-vương, mọi người đều yên ngủ. Thỉnh thoảng điểm rời-rạc những tiếng cầm-canh. Điện của Hoàng-tử Tất-đất-Đa, phủ dưới một làn yên-tĩnh. Ánh trăng xuyên qua những tường đá chạm mặt vồng, chiếu vào phòng rộng mênh-mông của các cung-phi. Đây là những vũ-nữ tuyệt đẹp ở thành Ca-tỳ-la. Sau một ngày nhẩy múa, họ mệt-mỏi dừng tựa đầu vào tường ngủ, còn giữ lại vẻ yêu-kiều của điệu múa, còn mang những vòng hoa trên trán, những xiêm-nghe trên mình, để kịp nhẩy múa lại, khi Hoàng-tử bừng mắt dậy. Đây là những ca-kỹ hay nhất trong xứ ; họ ngủ ngồi, trong tay còn nắm một cặp phách, một cánh quạt lông, hay một đóa hoa thắm. Họ tựa đầu vào vai như những con chim nhỏ nghiêng đầu vào cánh ngủ, để đợi mặt trời lên là hát lại. Đây là những nữ-nhạc, gục đầu xuống những cây đàn kỳ-diệu, làn tóc dài đen nhánh, chảy thành từng đường sóng trên lưng cong. Có nàng bỗng mỉm cười trong chiêm bao ; có lẽ họ mơ thấy làm mất được nét nhẵn, mỗi

ngày mỗi đặn, trên trán Hoàng-tử, vì một điệu đàn huyền-diệu . . .

Đi sâu vào trong nữa là phòng ngủ của Thái-tử Tất-đạt-Đa và vợ Ngài, công-chúa Da-Giu. Công-chúa đang ngủ bên cạnh, bỗng mở mắt hơ-hải nhìn từ phía, rồi nhìn Thái-tử. Nàng kéo tay Thái-tử đặt trên làn môi nóng của nàng, và những giọt nước mắt ẩm xe tròn trên gò má. « Thái-tử ! Thái-tử hãy thức dậy cho em phân-giải một đôi lời ! »

— « Em muốn nói gì thế, em yêu qui của ta ? »

Công-chúa ngẹn-ngào một hồi mới nói được : « Thái-tử ơi, bao nhiêu hy-vọng của em rụng hết rồi ! Em vừa thấy ba đêm chiêm-bao chẳng lành cho đời em sau này, Thái-tử ạ ! Em vừa mộng thấy một con bò mình trắng, sừng dài trông rất đẹp đi ngang qua đường. Nó mang trên trán một hòn kim-cương lông-lánh như một vì sao. Nó khoan-thai đi về phía cửa thành, đằng sau có những tiếng kêu thất-thanh, bảo bắt nó lại. » « Nếu các người để nó đi thì thành này mất lòng-lấy ». Nhưng nó vẫn đi, mà không ai cản nó lại được. Em chạy theo khóc lóc, và lấy tay ôm ngang cổ nó, cố sức níu lại và hô quân đóng cửa thành. Nhưng con bò dịu-dàng thoát tay em rồi đi thẳng. « Trong giấc chiêm bao thứ nhì, em thấy hiện lên giữa không-trung bốn thiên-thần, mắt sáng như sao, đi lần đến phía thành của chúng ta. Lúc ấy cờ trên thành đang phấp-phới, bỗng rơi xuống, và ở chỗ ấy nổi lên một lá cờ khác, có những đường chỉ bạc và những hạt ngọc sáng ngời. Vầng đông ửng đỏ, gió đông thổi dậy, lá cờ vỡ gió, phất-phới, uốn-éo thành những gợn sóng chơi lóa. Rồi vô-số hoa lạ, màu xinh, rơi, rơi, không biết từ nơi nào hay từ trời cao xuống. Không-gian được hương thơm và bá-lánh đều hoan-hỷ ».

— « Như thế, Thái tử nói, thì đẹp mắt lắm em nhỉ ? »

— Không, không đâu Thái-tử ơi ! Em nghe những tiếng hãi-hùng thế lớn : « giờ sắp đến, giờ sắp đến ! »

— « Trong giấc mộng thứ ba, em thấy em nhìn về phía Thái-tử nằm, nhưng ở đây chỉ thấy một chiếc gối chưa nhàu, và một cái áo của Thái-tử bỏ lại. Em nhìn lại mình em thì thấy chuỗi ngọc mà Thái-tử thường dùng để thắt lưng, hóa thành một con rắn, cắn vào lòng em.

Và ở xa em nghe tiếng con bò trắng rống, ở trên thành, em nghe tiếng lá cờ đập gió, và ở nơi nào không biết, có tiếng kêu lo : « giờ tới rồi ! » Những tiếng ấy làm em tỉnh dậy. Phải không Thái-tử ? những điềm ấy là điềm gì, nếu không phải điềm báo em sắp chết, hay hơn nữa — điềm Thái-tử sắp xa em ? »

Nàng lo âu nhìn Thái-tử, chờ một câu trả lời có thể định-đoạt đời nàng.

Thái-tử nhìn vợ, một cái nhìn hiền và dịu như trăng tà : « Em đừng sầu khổ. Em được an-ủi vì một tình yêu rộng lớn. Dầu những điềm chiêm bao ấy là cái bóng, bỏ lại trước của những sự sắp xảy ra ; dầu trời đất điên-đảo, mọi vật đổi thay, dầu muôn vật có thể xảy đến cho chúng ta, em hãy tin chắc rằng : ta đã yêu em, và còn yêu em mãi mãi ! Em biết rằng ngày đêm ta đang tìm cách cứu thoát cho cái thế-giới đau khổ này. Lòng thương của ta bao trùm cả vũ-trụ, thì đối với em, người đã luôn luôn sống bên cạnh ta, đã sẵn sàng đến hạnh phúc của ta, sao ta lại không yêu chuộng được ? Huống chi em lại là người đơn bà đẹp nhất, đức hạnh nhất, thì tình của ta đối với em nó mặn-m nồng biết là bao nhiêu ! Em đừng sợ mất ái-tình của ta. Dầu tâm ta, như con chim đại-bàng, bay đi viễn-du khắp thiên-hạ, tâm ta vẫn thường trở lại tổ cũ, quán-quít lấy những người thân.

Và sẽ an-ủi cho em biết bao, khi em nghĩ đến một ngày kia, nhờ lòng hi-sanh của em, mà thế-giới

được sống trong cảnh tịnh lạc. Em hãy can đảm và quảng đại lên, để cùng ta gánh một phần đau khổ cho nhân loại, em hãy hy-sanh ái-tình nhỏ hẹp để được cái tình thương rộng lớn của vũ-trụ biết ơn.

« Nếu sau này vì tình thương nhân-loại mà ta phải xuất gia, thì em hãy nhớ lại những lời căn dặn bây giờ, để ma tư an-ủi, trong những ngày trống rỗng. Thôi em hãy ngủ lại đi. »

Công-chúa ngoạn ngoạn nhắm mắt. Trong giấc ngủ tim nàng còn thồn thục, mắt nàng còn ứa lệ, và bên tai còn văng vẳng những tiếng kêu vội vã « giờ đã đến ! giờ đã đến rồi ! »

Thái-tử đến tựa tay vào cửa sổ. Trên trời cao, muông sao lóng lánh. Ngài nghe tiếng của đêm thâu giục-giã : « đêm đến đã lâu rồi ! Ngài hãy chọn lấy một con đường trong hai đường danh-vọng và từ-bi. Ngài muốn làm một vị đại-vương, hay bỏ ngai vàng, dẫn thân trong cát bụi ! » — « Ta sẽ dẫn thân trong cát bụi. Trong im lặng của đêm thâu, ta đọc thấy số phận ta viết bằng chữ bạc của trăng sao ! Ta phải đi ! Ta ruồng bỏ ngôi báu, ta không muốn chinh phục đất đai bằng lưỡi kiếm nhọn. Ta không muốn làm một kẻ chinh chiến, lăm bánh xe trong máu đào của muôn bãi chiến trường để rồi dành lại cho hậu-thế một kỷ-niệm đau thương.

« Ta muốn đề chân trình bạch trên đường chống gai, lấy đất làm đường, lấy vỏ cây làm áo. kiếm hạt cơm bố-thi để nuôi thân. Tiếng kêu đau thương của thể-giới xé rách màng tai, lòng từ-bi của ta không muốn thấy cảnh khổ của nhân - loại. Ta phải hy-sanh tất cả và phấn đấu cho đến ngày tim được phương thuốc cứu khổ cho nhân loại. Ta tin rằng phương thuốc ấy thể nào cũng có, nhưng ta tìm chưa ra được đó thôi ! Loài người khi mới sơ-khai, chịu nổi tám rét mướt cho đến một ngày nào đó họ đã tìm được ngọn lửa

trong đá lạnh. Họ đã nghiêng ngấu toàn thịnh mãi cho đến ngày tìm được cây lúa mọc lẫn lộn trong những cây cỏ khác. Họ u-ơ bấp-bẹ cho đến ngày tìm ra tiếng nói trong cổ họng. Những của quý nằm sờ sờ ra trước mắt, nhưng nào phải tìm được dễ dàng đâu ? Ừ cái gì quý báu mà không phải gia-công tìm kiếm, không phải đem hết sức-lực tri-não để chinh phục và một tình yêu mãnh-liệt làm kim chỉ-nam ? Nay ta ra đi, bỏ hết những lạc-thú của cung điện, mang một lòng thương rộng lớn ; một thân-thể cường-tráng, chưa hề bị tật bệnh và thời-gian tàn-phá ; một trí-huệ minh mẫn chưa bị dục-vọng làm mờ-ám ; ta tin chắc thế nào cũng tìm ra được ánh sáng, thấy rõ con đường chánh để đưa chúng sanh đi.

« Hỡi muôn vì sao sáng láng, ta sẽ đến với các người ! Hỡi nhân-loại đang quằn-quọai trong đau thương, hỡi cõi đời sầu khổ ! Vì các người mà ta đành bỏ tuổi măng tơ, bỏ ngôi báu, bỏ những ngày vàng và đêm ngọc : gỡ cánh tay bám víu của người vợ hiền ; cắt ngang tình yêu mãnh liệt của phụ-vương, và xa lánh đứa con thơ đang nằm trong bụng mẹ. Hỡi phụ-vương ! niên-thê ! bảo-nhi và xã-lắc ! xin hãy rán chịu, sự chia ly này cho đến ngày tôi tìm ra đạo » Ngài quỳ một chân cúi đầu xuống, để trán bên đường công chúa đang thêm thiếp ngủ, trên đôi mi dài và cong, còn đọng lại hai viên lệ-ngọc. Ngài từ từ đứng dậy, cung kính đi quanh đường ba vòng, hai tay chắp ngang ngực, miệng lầm-bầm : « từ đây không bao giờ ta còn nằm trên đường này nữa ». Ba lần Ngài bước ra, ba lần ngài trở lại. Giây tình chắt-chẽ, không dễ một chốc đã đứt ngay. Nhưng lần sau cùng với một vẻ cương quyết, Ngài phủ vạt áo lên, vén rèm bước ra.

Hoàng-lữ rón rén đi qua phòng các cung-nữ ngủ, ân-yếm nhìn những bông hoa mỹ-lệ ấy : « Hỡi đêm tối ! hãy dè trữu mi mắt của những mỹ-nữ lại, hãy

bít-kín những làn môi kia ; đừng để một giọt nước mắt bi - cảm rơi xuống, một tiếng kêu gọi trung-thành níu chân ta lại. Các người ơi ! Ta sắp xa các người. Ta không thể ở lại đây để chứng kiến những vẻ đẹp của các người mỗi ngày mỗi tan rã mà ta không thể cứu - vãn được. Chính những vẻ đẹp mong manh đã xui-giục ta một phần trong bước đi này. Ta không muốn các người sống cái đời như cỏ hoa, mới tươi-lót trong thời xuân đó, lại bị dày vò vì nắng hạ với mưa đông, rồi không mấy chốc đã tàn-tạ, để đâm chồi thành một cây khác.

Ta sẽ đi tìm cho các người một đời sống vĩnh-viễn, một vẻ đẹp không tàn-phai. Thôi ta chào các người ta đi đây !

Ngài bước ra ngoài trời. Sao bừng sáng hơn trước, nhấp-nháy mau như để báo cho nhau một đêm lạnh. Bao nhiêu cánh nháy mùa, gió reo-hò, trong cây, và đến nâng tà áo Thai-tử dậy. Hoa rộng nở, trầm-lặng để hương bay.

Trước sự tiếp-đón của trời đất, Ngài mỉm miệng cười đáp lại, đôi ngón lệ tuôn dài : lệ chia-biệt theo lệ đoàn-viên cùng vũ-trụ.

Ngài đến chuồng ngựa, đánh thức viên giữ ngựa Xa-Nặc dậy : « Xa-Nặc, hãy đem con ngựa Kiền-Trắc ra cho ta ».

— « Ngài muốn đi đâu trong lúc tối-tăm này ? »

— « Em hãy nói nhỏ ! Chính vì đang lúc tối-tăm nên ta mới ra đi. Ta đi để thoát cái ngục vàng này mà tâm-hồn ta đã bị giam-hãm. Ta đi tìm chân-lý để cứu-độ chúng-sanh đây ».

— « Ngài bỏ ngôi báu này, bỏ nước nhà mà Ngài sẽ làm chủ để nắm cái gáo của kẻ ăn xin ? »

— « Vâng, ta muốn thế. Ta muốn đừng bịn-rin

với tổ-quốc nhỏ-hẹp này để được yêu vũ-trụ rộng lớn ; ta muốn bỏ những kho báu bèo mây để đi tìm cho nhân-loại những của quý vĩnh-viễn ! Đem con Kiên-Trắc ra đây ».

— « Xin Ngài hãy nghĩ đến cái đau-đớn của Hoàng-Thượng, nghĩ đến sự sầu-khổ của công-chúa. Khi Ngài đã đi rồi, lấy ai bảo-hộ những người thân của Ngài nữa ? »

— « Em ơi ! sẽ là một thứ tình yêu giả-trá, nếu ta chỉ ở bên cạnh người thân để hưởng lấy những lạc-thú ích-kỷ. Ta vì yêu Phụ-vương ta, yêu vợ con ta hơn những lạc-thú của ta, nên ta phải ra đi để tìm một thứ tình yêu vĩnh-viễn. Thôi em hãy đem con Kiên-trắc ra đây ».

Tên giữ ngựa buồn-bã đi vào chuồng, đem con Kiên-Trắc ra, lấy cương yền buộc vào, phủ trên mình ngựa một tấm nhung vàng. Con ngựa thấy Hoàng-tử, mừng-rỡ hú lên. Ngài vỗ nhẹ vào gáy nó : « Kiên-Trắc ơi ! Ta nhớ con chở ta đi trong một cuộc hành-trình xa, xa lắm. Đêm nay ta đi, để tìm chánh-đạo. Ta chưa biết rõ nó ở đâu, nhưng ta sẽ không dừng bước, nếu ta tìm chưa được nó ! Con hãy hăng-hái, can-đảm lên ! Không một trở-lực gì nấn cản nôi, dầu đó là một ngàn lưỡi gươm sáng cắt đường, hay đó là thành cao hố hiểm.

« Con phải phi như một luồng bão, để giúp chủ con ! Sau này nếu ta thành đạo, con sẽ dự một phần công đức !

Ngài nhẹ-nhẹ nhảy lên mình ngựa. Con ngựa trường tới, rồi phi, phi . . . Những tia lửa sáng lóe tung-tóe dưới bốn móng chân sắt đập vào đá sỏi trên con đường mờ.

**BÀI CA CHÁNH-THỨC CỦA ĐOÀN
PHẬT-HỌC ĐỨC-DỤC**

*Kìa xem đóa sen trắng thơm !
Nghìn hào-quang chiếu sáng trên bùn !
Hình-dung Bồn-sư Chàng tơ.
Lòng Từ-bi, Trí-giác vô-cùng.*

*Đồng thệ-nguyện một dạ theo Phật !
Nguyện sửa mình ngày cho tinh-khiết
Đến bao giờ được tẩy sen ngát
Tỏa hương thơm Từ-bi tận cùng...*

**BÀI CA CHÁNH-THỨC CỦA ĐOÀN PHẬT-HỌC
ĐỨC-DỤC BẰNG CHỮ PHÁP**

JEUNE BOUDDHISTE

REFRAIN

(à chanter ou début, haïson à reprises)

**Rangeons-nous mes amis !
Pour chanter gaiement en chœur,
Portons tous vers B o u d d h a !
Notre foi et notre ardeur.**

*Engageons-nous à tout prix,
Sur la route qui monte et brille !
Et ce chant s'élèvera,
Pour unir nos jeunes cœurs !*

*Vers le mieux, sans un répit,
En avant, d'une même ferveur,
La terre résonnera
Sous nos pas triomphateurs !*

*Semons loin la vérité,
Allons donc, levons-nous tous !*

*La chaleur des belles Suttras,
Donnera paix et bonheur.*

*A l'exemple des Arahants
S'en allant répandre leur Zèle,
Apprenons au monde qui râle
Ce qui cause sa douleur.*

*Quand partout rayonneront
L'amour et la Pureté
Toutes les voix entonneront
Ce refrain plein de vigueur!*

MUSIQUE

Ran-geons nous mes a - mis pour chan-
ter gai-ment en chœur Por- tons tous vers Bou-d-
dha no - tre foi et notre ar- deur En - ga -
geons nous à tout prix sur la route qui monte et
brille Et ce chant s'é - lè - ve - ra Pour u-
nir nos jeunes cœurs.

THI LÂM



MỪNG VIỆN-ÂM NĂM QUÝ-VỊ

Quý-vị năm nay kẻ sáu xuân,
Viện-âm vang dội khắp xa gần.
Miệng cười phương-liên siêu phẩm tục,
Tiếng nói chơn-như dấm ái-ân.
Tu học tinh-thuần theo Thánh-giáo,
Văn chương hùng-mại khiếp ma quân.
Mừng nay năm mới văn thêm mới,
Lợi-lạc quần-sanh phúc vẹn phần.

N. N. V.



TỰ VỊNH

Lòng tôi lai-láng một bầu xuân,
Hứng-khởi niềm riêng vịnh mấy vần.
Tâm đốt trầm-hương nhiều đạo-vị,
Thơ ngâm thủy-khi một trời văn.
Đông qua mới biết đều xuân sắc,
Bệnh khỏi thì ra được Pháp-thân.
Này bạn đồng-lâm ai đó tá,
Thường xuân ta chớ bận lòng trần.

N. N. V.



(Có nhiều Bạn gửi thơ về hỏi cách tổ-chức của Đoàn Phật-học Đức-dục và Tinh thần của Đoàn thế nào ; chúng tôi rất cảm-tạ lòng chiếu cố của các bạn nên đã có trả lời riêng. Nay nhân dịp Xuân đến, chúng tôi nhớ VIỆN-ÂM đăng bài Ca Chánh-thức của Đoàn trước để giới-thiệu Đoàn, là một bộ phận của Hội Annam Phật học chỉ gồm các bạn trẻ ; sau gọi là gửi chút kỷ-niệm cùng các Bạn trong dịp lễ Đệ-Nhiệt-Chu-niên của Đoàn

PRATIQUE DE LA MÉDITATION

(suite)

Cultiver, contrôler et purifier son esprit sont les choses les plus importantes dans l'éducation Bouddhique. Les quatre attentions fondamentales qui doivent être observées attentivement sont :

Kaya — Le corps

1°. — Observation ou contemplation du corps (la respiration choisie comme une des fonctions fondamentales du corps la plus facile à observer et qu'elle est unie au conscient et au subconscient).

2°. — Observation ou contemplation des sensations (et émotions). Citta - l'esprit.

3°. — Observation ou contemplation de l'esprit (c'est-à-dire les pensées).

4°. — Observation ou contemplation des phénomènes internes.

A.

Les cinq empêchements à la méditation.

- | | |
|--|-----------------------------|
| 1.) Le désir sensuel | 2.) Le mauvais vouloir |
| 3.) La paresse | 4.) Les pensées harcelantes |
| 5.) Le doute (sur le Dharma : l'enseignement, la loi). | |

Noter lequel est présent dans votre esprit.

B.

Ensuite noter les bonnes pensées présentes dans votre mental :

L'attention - le désir de l'étude du Dharma (l'enseignement - l'Energie - la compassion - la tranquillité - la concentration à la sérénité.

« En toutes choses l'élément primordial est le mental ; le mental est prédominant, tout provient du mental. Si un homme parle ou agit avec une mauvaise

pensée, la souffrance le suit d'aussi près que la roue suit le sabot du bœuf tirant le char ».

« En toutes choses l'élément primordial est le mental ; le mental est prédominant. Tout se fait par le mental. Si un homme parle ou agit avec des pensées pures, le bonheur l'accompagne, d'aussi près que son ombre inséparable.

L'esprit une fois purifié, tout est purifié, car tout ce que nous sommes aujourd'hui est le résultat de ce que nous avons pensé, suivant la loi de cause et effet.

La méthode d'éduquer et de contrôler l'esprit est fortifié par la méditation.

La méditation nous apprend à nous concentrer, et devenir capables d'éliminer la convoitise, les passions, et toute forme d'égoïsme d'où elles prennent naissance ainsi que détruire cette ignorance qui est la racine de tout égoïsme.

En apprenant à méditer nous pouvons employer pour nous aider la force de l'habitude, car, par répétition continuelle d'une suggestion nous pouvons à volonté nous faire penser ce que nous voulons, et ainsi acquérir une habitude de méditation ?

Le Dr Fernando dit :

« Tout le but de la méditation est de nous rendre aptes à analyser soigneusement et saisir complètement la vraie nature des choses, car dans la méditation nous aurons (temporairement) supprimé les désirs, les souhaits et les passions et par conséquent serons capables de contempler tout sujet que nous méditerons avec une vision pure et désintéressée ».

« Dans la méditation, nous obtenons, pendant le temps qu'elle dure, la vision purifiée ».

« Par habitude, établie dans la pratique continuelle d'une méthode donnée de réaction, nous arrivons (pas-

sant, par la méditation) à l'équilibre et la sérénité. La méditation bien réussie, devient une contemplation pure et désintéressée ».

« Celui qui veut pratiquer la méditation ne doit le faire que s'il mène une vie pure c'est-à-dire ne causant mal à aucun être animé ».

Pour pratiquer les quatre attentions fondamentales, on commencera :

Par l'observation du corps, ses fonctions, sa nature, et on choisit pour le présenter une de ses fonctions principales : la respiration.

Schéma pour pratiquer cette méditation

Observation du corps (Kaya)

I

La respiration

La respiration doit être observée d'une façon purement objective ; comme si elle n'était pas la respiration du méditant lui-même, mais un phénomène externe (processus de vie) qu'il est en train d'observer.

Ceci est un des points les plus importants de cette méditation.

Le but final en étant d'apprendre à observer que ce processus qui a lieu (la respiration,

(il y a la respiration,

ressemble à tous les autres processus qui ont lieu dans l'univers et qui dans leur totalité constituent ce que nous dénommons « univers » à n'importe quel moment donné.

Pour abolir en soi toute idée d'éparativité, il faut apprendre à s'observer impersonnellement et ne point se dire : « je respire » mais « la respiration existe, la faim existe, la soif existe, etc..

(à suivre)

INTRODUCTION À UN NOUVEAU LIVRE :

« LE BOUDDHISME »

Un Européen qui étudie le Bouddhisme dirait qu'il est d'inspiration grecque. La morale bouddhique est en effet toute pythagoricienne et sa métaphysique prolonge dans ses grandes lignes celle de Chrisippe et de Zénon. Mais un vieux chinois qui étudie la même religion l'affirmerait orientale. A un degré moindre, la conception du « TAO » de Laotseu rappelle en effet celle de la Cita Bouddhique : principe transcendantal, dynamique, éternel... ayant une existence indépendante ; principe un qui se serait diversifié en manifestations multiples. Les grands métaphysiciens chinois Liétseu, Trangtseu, dans un langage riche en symboles, expriment la même vérité hermétique, celle de l'Identité universelle. Certes, il manque à la morale de Confucius, cette austère et surhumaine pureté qui caractérise les deux morales hindoue et grecque, mais Confucius sembla plutôt un saint qui ne voulait pas faire bande à part, et qui si loin qu'il allât dans sa pensée et son cœur intime, entendait vivre comme les autres, parmi les autres, pour les autres.

Le Bouddhisme, religion orientale ou occidentale ?

Il n'est en fait ni oriental ni occidental. Il est humain et ne revendique pas d'épithètes plus flatteuses. On l'a peint souvent si loin de l'homme alors qu'il en est inséparable. S'il condamne en termes définitifs les plaisirs sensuels, c'est qu'il rend hommage à l'Homme que Pascal, la tête à l'envers, a dépeint inquiet, triste et inconstant.



L'homme, enseigne-t-il, est infini d'essence. Seul l'infini est à même de satisfaire cet idéal de bonheur infini qui brûle son être. Tous ces plaisirs qui ont la durée d'une larme ou d'une rose, tous ces

plaisirs flétris aussitôt qu'épanouis, peuvent-ils chasser ces rêves amers et ces angoisses troublantes dont l'âme humaine est toute pleine ?

S'en griser, disait Bouddha, c'est manger salé quand on a soif. Il est un fait que nos désirs ne sont jamais assouvis, que la force du désir dépasse toujours notre capacité sensuelle de la satisfaire. Eteindre tout désir, voilà le centre de la Morale bouddhique, le point de départ de toutes les morales.



L'importante influence du Bouddhisme sur l'humanité est reconnue même par ses détracteurs. Dans tous les domaines, politique, littéraire, artistique, sociale, le Bouddhisme a marqué son empreinte profonde et sublime. On n'estimera jamais assez grand l'apport du Bouddhisme dans le luxuriant trésor spirituel de l'Asie. On a surtout oublié cette remarquable œuvre d'unification, par laquelle il a donné à l'Asie ce visage aux traits réguliers, sereins et vaguement contemplatifs que l'Occident est si loin d'avoir et si près d'envier.

Qu'on parle du Shintoïsme, nous songeons aussitôt au Japon, qu'on parle du Brahmanisme, notre regard erre vers l'Inde, qu'on cite le Lamaïsme, nos yeux se fixent sur le Thibet.. Mais sitôt le mot Bouddhisme prononcé...notre pensée embrasse l'immense Asie tout entière. Nous réserverons à un travail ultérieur le soin de réunir les documents relatifs au monument social, politique, littéraire, artistique que le Bouddhisme a édifié pour servir d'ossature à l'Asie éternelle. Derrière le rideau des ans, nous ferons apparaître cette Vérité, à savoir que le Bouddhisme a toujours été, au cours de l'Histoire, une force saine, éminemment constructrice.



Notre pays a déjà une religion, le Bouddhisme

On n'a que faire de la lui donner. C'est une grande erreur que de prétendre chercher uniquement dans la morale confucéenne les traits dominants de la mentalité annamite. L'influence de Confucius n'était marquée que dans les hauts parages de notre société où certains lettrés poussent jusqu'à l'extravagance leur respect des traditions confucéennes. Mais dans l'ensemble, la pensée du sage chinois n'a pas cette précision et cette poésie qui attirent les cœurs simples. Elle est même brumeuse et nos plus grands lettrés ont grand mal à la démêler. Bouddha au contraire, est remarquablement clair. Ses enseignements sont d'une précision qui étonne et d'une poésie qui ravit. Aussi son influence, en profondeur comme en surface, n'a-t-elle jamais cessé de croître alors que Confucius perd de plus en plus sa popularité.

C'est avec grand plaisir que, dans l'ombre bleue de nos campagnes, nous écoutons nos vieilles mères parler des principes élevés de Causalité et de réincarnation comme des certitudes de tout repos. Pour elles, c'est tout naturel qu'un homme qui se conduit comme un animal pendant cette vie, sera animal dans son existence future et que cet autre qui fait toujours le Bien, gagnera après sa Mort ces Régions bienheureuses où il a tout, sauf la douleur.

C'est avec émotion que nous retrouvons dans notre jargon populaire nombre de mots d'origine bouddhique certaine (Ex : Lục - Tắc, Ba-láp, Ma-vương, Quỷ-Sư etc...) mettant par là à nu la profonde influence du Bouddhisme sur l'âme indochinoise.

Mais avec une plus grande émotion encore, au cours de nos nombreux voyages, nous nous sommes inclinés avec respect devant d'innombrables pagodes en ruines ; vestiges fanés d'une ferveur ancienne. C'est là au moins, dans un temps qui n'est plus, c'est sur cet esplanade découvert chaussé d'herbes folles et coiffé

de ciel bleu, que nos ancêtres, sans distinction de race et de famille, apprenaient à s'aimer et à s'unir sous le tendre regard du TRES HAUT.

...Une cloche lointaine éleva sa voix d'or dans le calme souverain du soir. Il faut l'entendre à l'heure et dans l'endroit où nous étions pour en subir toute la magie évocatrice : Tout un passé éblouissant émerge des ombres millénaires. Nous revoyons nos anciens rois, en habits de bonze, prêcher au peuple recueilli des Vérités éternelles. Nous revivons ces temps heureux où des millions d'hommes groupés autour d'une Ombre, pensent d'une seule tête et battent d'un seul cœur. Nous étions alors quelque dizaines de mille sur pied de guerre, les Mongols étaient cent mille... avec en plus l'expérience des victoires sans nombre. Et pourtant les grands soldats de Koubilai Khan ont dû périr sans tombe sous les coups du petit peuple vaillant. Pour une fois, la force armée recula devant l'union sacrée.

...Maintenant tout a disparu. Les dernières blancheurs du crépuscule virent au gris et tournent au noir. Le son de cloche s'éteint. Les échos renvoyés des arbres alentours se meurent, écrasés par le Silence. Mais dans notre âme, l'écho intérieur vibre encore et s'en va s'épurant, se précisant sous la forme d'un idéal qui emplira notre Vie tout entière : Restaurer le Bouddhisme dans sa pureté originelle, donner au pays ses valeurs morales d'antan, mener une vie pure, simple une vie de joies saines et de travail intense : Tels sont les thèmes de fond d'un groupe d'adeptes qui entendent vivre et non subir la vie, marquer et non disparaître.

Après les midis éclatants et les nuits sombres, ils attendent le retour des aurores éblouissantes.

DINH-VĂN-VINH

*(Commission d'Etudes Bouddhiques
et de Perfectionnement Moral)*

CÁC NHÀ TRƯỞ GIẤY ĐỀU PHẢI KHAI SỔ GIẤY HIỆN CÓ

Hôm 5 Décembre 1942 vừa rồi, quan Toàn-quyền đã ký nghị-định nói về việc điều tra sổ giấy hiện còn trữ và việc chia giấy cho các nhà báo, nhà in v.v..

Theo nghị-định này tại khắp xứ Đông-dương, các nhà có giấy hay trữ giấy (các nhà buôn bán cất hay buôn lẻ, nhập cảng, dùng giấy v v...) có môn bài hay không, có trữ giấy chưa in, đều phải khai sổ giấy đó, mặc dầu để ở chỗ nào. Sổ giấy có từ 200 kg trở lên đều phải khai với ủy ban coi về giấy ở số 111 phố Gambetta Hanoi, - trong hạn tám ngày kể từ ngày đăng đạo nghị-định này vào Quan-Báo Đông-dương. Những thứ giấy phải khai là : Giấy in báo, giấy trắng để viết hay dùng vào các việc in, giấy màu, giấy bìa, giấy nhãn một mặt, giấy gói, giấy carton, và tất cả các thứ giấy không kể ra đây.

Đến 31 Mars 1943 lại phải khai lại và cứ mỗi ba tháng lại phải khai một lần.

Bắt đầu từ ngày công-bố đạo nghị-định này :

1. — Ai không xin phép trước không được bán buôn (cất) giấy.

2. — Còn việc bán lẻ giấy thì không phải xin phép trước, song phải làm sổ biên chép rõ ràng ngày tháng và số giấy bán cho nơi nào. Mỗi tháng phải kê khai tất cả số giấy bán trong một tháng và phải trình trước ngày mồng mười mỗi tháng.

Các nhà dùng giấy mỗi tháng cũng phải khai một lần về sổ giấy đã dùng

Những người khai man và những người trữ giấy không theo đúng lệ trong nghị-định này, sẽ bị phạt từ 300 đến 15000 quan và bị phạt-tù từ 6 ngày đến hai tháng, hay hai thứ phải chịu một.

Nếu tái phạm, số tiền phạt sẽ tăng thêm lên từ 9000 quan tới 6 vạn quan và bị phạt tù 2 tháng tới một năm.

Ai muốn biết rõ hơn, xin xem trong Quan - báo Đông-dương ra ngày 9-12-1942.

Đăng theo báo Đông-pháp số 5300 ra ngày 10-12-1942

MỤC-LỤC

Số bài	Số trang
1. Mồng một ngày vía đức Di-Lặc Tâm-Minh	1-4
2. Phát bồ-đề tâm Nguyễn-duy-Như	5-15
3. Nghĩa chữ Đạo Nguyễn-hữu-Quán	16-19
4. Phật-học cương-yếu Tâm-Minh	20-25
5. Tinh-tấn Nguyễn-năng-Viên	26-31
6. Giáo-dục bằng lời huân-tập Ngô-Điền	32-38
7. Mở lòng để đón xuân sang Võ-đình-Cường	39-43
8. Tiểu-thuyết lịch-sử Thái-tử Thích-Ca xuất-gia Võ-đình-Cường	44-50
9. Bài ca chánh-thức của đoàn Phật-học Đức-dục	51-52
10. Thi-lâm	53
11. Pratique de la méditation (suite)	54-56
12. Introduction à un nouveau livre : « Le Bouddhisme » Đinh-văn-Vinh	57-60

ĐÍNH-CHÁNH

Viên-Âm số 53 trang 7 về Duy Thức :

Đừng đọc : « Nếu thức không phải một, mà có vô-số thức chung-sanh và tất cả các tướng do các thức ấy biến nhóm thành một cái ; thì cái ấy đủ vô-số tướng, cái ấy chính là chơn-như, bao-trùm cả tâm-cảnh phi-hữu phi-vô ».

Mà đọc : « ... thì cái ấy đủ vô-số tướng như huyền, như hóa do đối đãi mà biến-hiện, và cái tánh đối-đãi vô-tự-tánh ấy chính là chơn-như bao-trùm cả tâm-cảnh, phi-hữu phi-vô ».

Xin Qui Độc-giả chữa ngay vào số 53 để khỏi lầm.